

Annual Báo cáo Thường niên report 2004



VPBANK

NGÂN HÀNG NGOÀI QUỐC DOANH

Annual report Báo cáo Thường niên 2004

Nội dung Content

Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu	3
Financial Highlights	3
Phát biểu của Chủ tịch Hội đồng Quản trị	4
Message from the Chairman	5
Tổng quan về Ngân hàng	10
General overview of the bank	11
Sơ đồ tổ chức	14
Organizational Structure	14
Cơ cấu quản trị - điều hành	16
Structure of Administration	17
Báo cáo của Ban điều hành	22
Report of the Board of Management	23
Định hướng phát triển	31
Orientation of Development	31
Báo cáo tài chính	34
Financial Statements	35
Danh sách các ngân hàng đại lý	46
List of Correspondent Banks	46
Địa chỉ VPBank trên toàn quốc	47
VPBank's Network	47

Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu trong năm 2004

Đơn vị: Triệu VND

Các chỉ tiêu về tài sản (Đến 31/12)	2004	2003	2002	2001
Tổng tài sản có	4.149.288	2.491.867	1.476.468	1.292.696
Tiền huy động	3.872.813	2.192.945	1.183.074	921.750
Cho vay	1.865.364	1.525.212	1.103.426	852.910
Vốn cổ phần	198.409	174.900	174.900	174.900
Kết quả kinh doanh (Trong năm)	2004	2003	2002	2001
Tổng thu nhập hoạt động	286.170	187.325	93.562	85.899
Tổng chi phí hoạt động	(226.092)	(144.497)	(72.998)	(83.985)
Lợi nhuận trước thuế	60.078	42.828	20.564	1.914

2004's Financial Highlights

Unit: VND Million

Assets (as of December 31 st)	2004	2003	2002	2001
Total Assets	4,149,288	2,491,867	1,476,468	1,292,696
Capital Mobilization	3,872,813	2,192,945	1,183,074	921,750
Loan	1,865,364	1,525,212	1,103,426	852,910
Equity	198,409	174,900	174,900	174,900
Business results (During the year)	2004	2003	2002	2001
Total operating income	286,170	187,325	93,562	85,899
Total operating expenses	(226,092)	(144,497)	(72,998)	(83,985)
Profit before tax	60,078	42,828	20,564	1,914

PHÁT BIỂU CỦA CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Kính thưa các Quý vị!

Năm 2004, mặc dù tình hình trong nước và quốc tế có nhiều biến động: giá cả nhiều mặt hàng đặc biệt là giá dầu tăng cao, một số doanh nghiệp xuất khẩu bị kiện bán phá giá, trong nước xảy ra nhiều thiên tai, dịch bệnh... nhưng Việt Nam vẫn đạt được mức tăng trưởng GDP 7,6%, đây là mức cao nhất trong vòng 7 năm qua. Với sự tăng trưởng này, Việt Nam đã trở thành một trong những nước đang phát triển nhanh nhất trên thế giới. Chi tiêu riêng trong lĩnh vực sản xuất công nghiệp, mức tăng trưởng cũng đã đạt 15,6%, cao nhất trong 4 năm trở lại đây. Cơ cấu kinh tế cũng đang chuyển dịch tích cực theo hướng nâng cao tỷ trọng giá trị sản lượng công nghiệp và dịch vụ, giảm tỷ trọng giá trị sản lượng nông nghiệp.

Về chính sách vĩ mô, những thay đổi cơ bản trong môi trường pháp lý đã tạo điều kiện thuận lợi cho các ngân hàng Việt Nam phát triển theo xu hướng hội nhập với quốc tế. Trong năm 2004, Ngân hàng Nhà nước cũng đã có những động thái phù hợp để kiểm soát và ổn định thị trường tiền tệ và lãi suất. Cùng với nỗ lực ổn định lãi suất, tỷ giá cũng được kiểm soát để không làm ảnh hưởng đến hoạt động của nền kinh tế.

Năm 2004 là một năm VPBank đã rất thành công trong việc tận dụng triệt để các cơ hội kinh doanh và đạt được những thành tựu rất đáng tự hào, đó là: tổng tài sản có đạt 4.149 tỷ đồng tăng 67% so với năm 2003; lợi nhuận trước thuế và trước dự phòng rủi ro đạt trên 60 tỷ đồng, tăng 39,5% so với năm 2003; các chỉ tiêu hoạt động khác như nguồn vốn huy động, dư nợ cho vay... đều đạt mức tăng trưởng cao. Bộ máy quản trị điều hành tiếp tục được ổn định và phát triển vững mạnh, phúc lợi dành cho cán bộ, nhân viên đã không ngừng được nâng cao. Mạng lưới không

ngừng được mở rộng với việc mở thêm 17 chi nhánh và các phòng giao dịch mới.

Thành công trong năm qua của VPBank có được là nhờ sự lãnh đạo sáng suốt của Hội đồng quản trị và Ban Điều hành, sự chăm chỉ sáng tạo trong công việc của đội ngũ nhân viên, sự hỗ trợ nhiệt tình từ phía Ngân hàng Nhà nước Việt Nam và các cơ quan chức năng và đặc biệt là sự ủng hộ nhiệt tình của Quý khách hàng. VPBank luôn trân trọng và ghi nhận những đóng góp này bởi đó chính là nền tảng tạo nên sự thành công của VPBank ngày hôm nay.

Trong năm 2005, phát huy những thành tựu đã đạt được trong năm trước, VPBank tiếp tục mở rộng mạng lưới hoạt động; duy trì sự đoàn kết nhất trí của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Ban điều hành; không ngừng cải tiến nâng cao chất lượng hoạt động và phát triển thêm các sản phẩm mới; tăng cường hiệu quả công tác quản trị rủi ro; nâng cao chất lượng đội ngũ nhân viên... nhằm tạo ra sức mạnh tổng hợp thúc đẩy VPBank phát triển, phấn đấu trở thành Ngân hàng thương mại có phần hàng đầu khu vực phía Bắc.

Thay mặt Hội đồng quản trị và toàn thể cổ đông, tôi xin gửi lời cảm ơn chân thành nhất tới Ngân hàng Nhà nước các cấp, các cơ quan quản lý Nhà nước, các đơn vị đối tác, và Quý khách hàng cung toàn thể cán bộ, nhân viên đã đóng góp nhiệt tình vào sự thành công rất đáng khích lệ của VPBank trong những năm vừa qua và trong tương lai.

T/M Hội đồng Quản trị
Chủ tịch



Ông Lâm Hoàng Lộc

MESSAGE FROM THE CHAIRMAN

Ladies and Gentlemen!

In 2004 the Vietnam economy overcame numerous financial challenges such as the fluctuation of consumer price indexes, the constant increase in oil prices, the impact of anti-dumping prosecution of several exporters, several regional natural disasters and airborne diseases yet it achieved a GDP growth rate of 7.6%. To date, this is the highest rate achieved over the past seven years. This accomplishment propelled Vietnam ahead of other countries to make it one of the fastest growing emerging economies in the world. As noted within the GNP figures, the industrial sector alone grew by 15.6%; again the highest level in the four years. A net result of this economic boom is the Vietnamese economy has moved towards increasing the proportion of industrial and service production in comparison with its overall agricultural production. Clearly, the country is moving forward towards becoming a strong industrial nation.

In regards to the country's macroscopic policy, key changes by the Government within the legal framework are moving the banking industry towards a better global integration. Actions by the State Bank of Vietnam greatly assisted with controlling and stabilizing the money market and interest rates in the country. In parallel with the State Bank's efforts to stabilize interest rates, exchange rates have also been controlled resulting in positive affects throughout the country and in Vietnam's overall economy.

By year's end, VPBank's past planning and business strategies successfully capitalized on numerous business opportunities, which were harvested in 2004 with a total assets reached at VND4,149 billion; a major increase of 67% compared to 2003. These successes resulted in a profit-before-tax-and-risk-provisions of over VND60 billion; an increase of over 39.5% compared to 2003. The bank has successfully hit other business targets as well such as mobilization of funds and increased its profits from positive lending activities, which reached a high growth. A key determining factor in these accomplishments is the fact that during the year

the Board of Management was strengthened, employee benefits were significantly improved and the bank's overall network expanded with more than 17 new transaction points.

Undoubtedly these achievements were the result of the clear-sighted leadership of the Board of Directors and the Board of Management, the hard work of the bank's staffs as well as the firm support we have received from the State Bank of Vietnam, other State authorities and the backing of the bank's clients throughout the last 13 years of performance. All of these contributions have always been highly appreciated, as they are the foundation of the bank's success.

In 2005, building upon past achievements, VPBank will continue to expand its branch network, maintain and strengthen the high unanimity of the Board of Directors, the Board of Supervisory and the Board of Management, strive to improve the quality of operations, focus on developing new products, take effective risk management measures and enhance the overall quality of the staff to propel the development of the bank with the goal of making it the leading northern regional bank in the country.

On behalf of the Board of Management and all of the bank's shareholders, I would like to take this opportunity to express our sincere thanks to the State Bank of Vietnam, all supporting State authorities, its' partners, wonderful clientele and all of the bank's staff as you all have contributed to VPBank's successful performance. We hope to further receive your support in the future.

Chairman of the Board of Directors



Mr. Lam Hoang Loc

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

BOARD OF DIRECTORS

Ông (Mr) Dominic T.C Scriven
Phó Chủ tịch Hội đồng Quản trị
Vice Chairman
Cử nhân Luật
& Cử nhân Xã hội học
Bachelor of Arts
(Law & Sociology)

Ông (Mr) Lê Đức Sơn
Ủy viên Hội đồng Quản trị
Member
Tiến sỹ Xã Hội học
Doctor of Sociology
Kỹ sư Kinh tế
Engineer of Economics

Ông (Mr) Lâm Hoàng Lộc
Chủ tịch Hội đồng Quản trị
Chairman
Cử nhân Tâm lý
Bachelor of Psychology
Cử nhân Kinh tế
Bachelor of Economics

Ông (Mr) Phạm Hà Trung
Ủy viên Hội đồng Quản trị
Member
Kỹ sư Kinh tế
Engineer of Economics
Cử nhân Kinh tế
Bachelor of Economics

Ông (Mr) Nguyễn Quang A
Phó Chủ tịch Hội đồng Quản trị
Vice Chairman
Tiến sỹ Khoa học
Doctor of Science



BAN KIỂM SOÁT SUPERVISORY BOARD

Bà (Ms) Nguyễn Thị Liên
Kiểm soát viên
Supervisor
Cử nhân Kinh tế
Bachelor of Economics

Bà (Ms) Phan Thị Thu Hà
Kiểm soát viên
Supervisor
Cử nhân Kinh tế
Bachelor of Economics

Ông (Mr) Vũ Hải Bằng
Kiểm soát viên trưởng
Chief Supervisor
Cử nhân Luật
Bachelor of Law



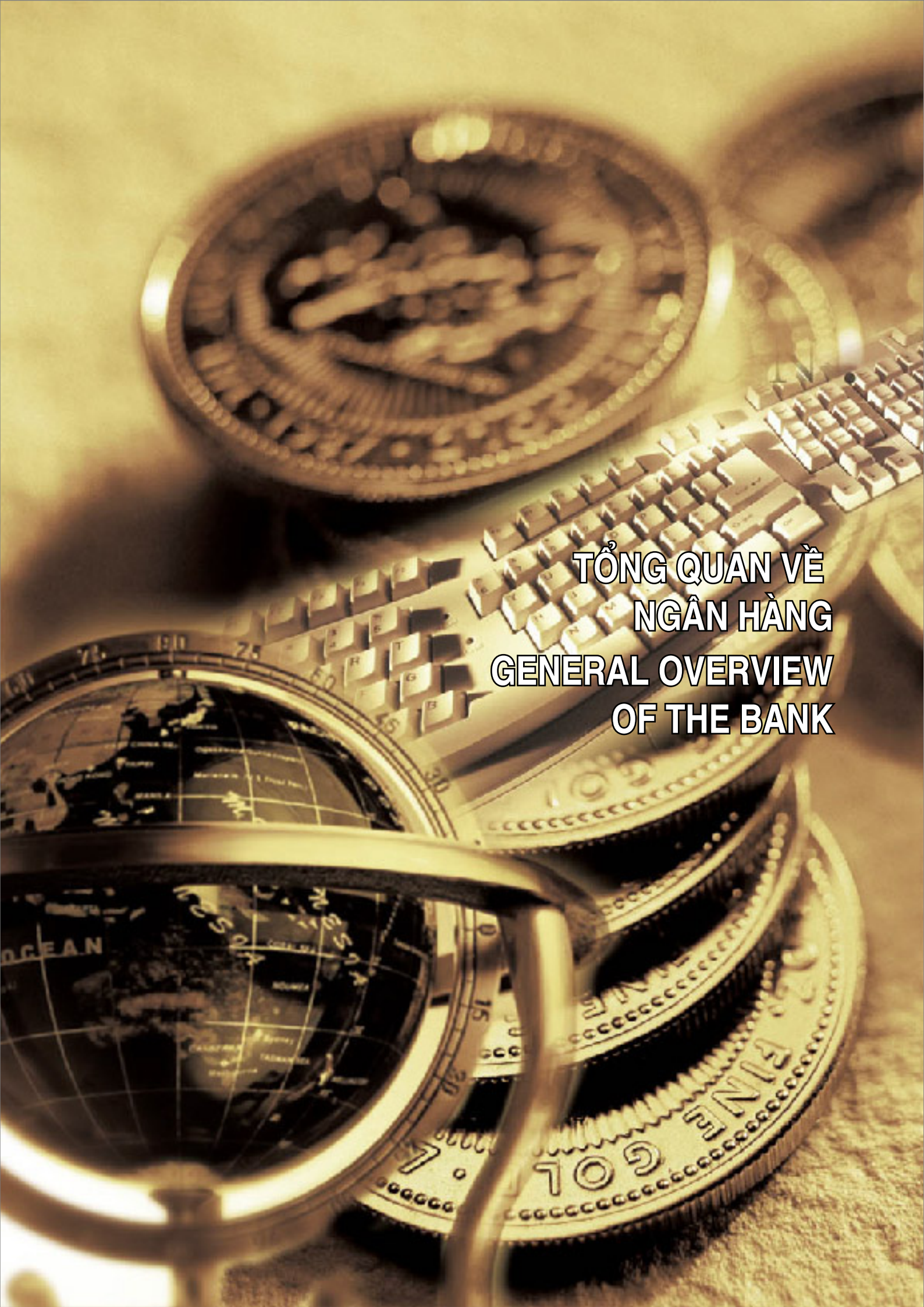
BAN ĐIỀU HÀNH BOARD OF MANAGEMENT

Ông (Mr) Nguyễn Thanh Bình
Phó Tổng Giám đốc
Deputy General Director
Cử nhân Kinh tế
Bachelor of Economics

Ông (Mr) Lê Đức Sơn
Tổng Giám đốc
General Director
Tiến sỹ Xã Hội học
Doctor of Sociology
Kỹ sư Kinh tế
Engineer of Economics

Ông (Mr) Trần Văn Hải
Phó Tổng Giám đốc
Deputy General Director
Cử nhân Kinh tế
Bachelor of Economics



A collage of financial symbols including gold coins, a keyboard, and a globe. The background is a warm, golden-yellow color. In the foreground, there are several gold coins, some of which are stacked. A computer keyboard is visible in the middle ground, and a globe is in the lower left corner. The text is centered over the keyboard and coins.

**TỔNG QUAN VỀ
NGÂN HÀNG
GENERAL OVERVIEW
OF THE BANK**

TỔNG QUAN VỀ NGÂN HÀNG

Lịch sử phát triển

Ngân hàng Thương mại Cổ phần các Doanh nghiệp Ngoài quốc doanh Việt Nam (tên viết tắt tiếng Việt - Ngân hàng Ngoài Quốc doanh) được thành lập theo giấy phép hoạt động số 0042/NH-GP của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam cấp ngày 12 tháng 8 năm 1993 với thời gian hoạt động 99 năm. Ngân hàng bắt đầu hoạt động từ ngày 04 tháng 9 năm 1993 theo giấy phép thành lập số 1535/QĐ-UB ngày 04 tháng 9 năm 1993.



Các chức năng hoạt động chủ yếu của VPBank bao gồm:

- Huy động vốn ngắn hạn, trung hạn và dài hạn, từ các tổ chức kinh tế và dân cư.
 - Cho vay vốn ngắn hạn, trung hạn và dài hạn đối với các tổ chức kinh tế và dân cư từ khả năng nguồn vốn của ngân hàng.
 - Kinh doanh ngoại hối.
 - Dịch vụ thanh toán Quốc tế.
 - Chiết khấu thương phiếu, trái phiếu và các giấy tờ có giá khác.
 - Cung cấp các dịch vụ giao dịch giữa các khách hàng.
 - Cung cấp các dịch vụ chuyển tiền trong nước và Quốc tế.
 - Các dịch vụ ngân hàng khác theo quy định của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.
- Vốn điều lệ ban đầu khi mới thành lập là 20 tỷ VND. Sau đó do nhu cầu phát triển, VPBank đã tiếp tục tăng vốn điều lệ lên 70 tỷ VND trong năm 1994 và tiếp tục tăng lên 174,9 tỷ VND vào năm 1996. Đến cuối năm 2004, VPBank được nâng vốn điều lệ lên 198,4 tỷ. Trong quý I/2005, số vốn điều lệ của VPBank đã là 243,7 tỷ đồng.

Trong suốt quá trình hình thành và phát triển, VPBank luôn chú ý đến việc mở rộng quy mô, tăng cường mạng lưới hoạt động. Trong năm 2004, VPBank đã mở thêm 3 Chi nhánh cấp I mới đó là Chi nhánh Hà Nội (trên cơ sở tách bộ phận trực tiếp kinh doanh trên địa bàn Hà Nội ra khỏi Hội sở), Chi nhánh Huế, Chi nhánh Sài Gòn. Đầu năm 2005, VPBank tiếp tục mở thêm 4 chi nhánh cấp I là chi nhánh Cần Thơ, Chi nhánh Quảng Ninh, Chi nhánh Vĩnh Phúc và Chi nhánh Bắc Giang.

Tính tới thời điểm lập báo cáo thường niên (tháng 7 năm 2005), Hệ thống VPBank có tổng cộng 30 điểm giao dịch, gồm có: Hội sở chính tại Hà Nội, 10 Chi nhánh cấp I tại các tỉnh, thành phố của đất nước là Hà Nội, Thành phố Hồ Chí Minh, Hải Phòng, Thừa Thiên Huế, Đà Nẵng, Cần Thơ, Quảng Ninh, Vĩnh Phúc và Bắc Giang; 15 Chi nhánh cấp 2 và 4 Phòng Giao dịch. Năm 2005 và 2006, VPBank dự kiến sẽ mở thêm khoảng 20 điểm giao dịch mới tại các tỉnh, thành phố trọng điểm kinh tế của đất nước.

Số lượng cán bộ, nhân viên của VPBank trên toàn hệ thống tính đến nay trên 607 người, trong đó phần lớn là các cán bộ, nhân viên có trình độ đại học và trên đại học (chiếm 87%). Bằng việc chăm lo nghiêm túc đến công tác tuyển dụng nhân viên, đồng thời thường xuyên quan tâm đến công tác đào tạo, nâng cao trình độ nghiệp vụ cho nhân viên, VPBank đã có một đội ngũ cán bộ, nhân viên năng động, nhiệt tình và có trình độ nghiệp vụ cao. Đây sẽ là một trong những tiền đề giúp ngân hàng phát triển và có thể đương đầu với cạnh tranh khi hệ thống Ngân hàng Việt Nam bước vào hội nhập.

Đại hội cổ đông năm 2004 được tổ chức vào đầu tháng 5/2005, một lần nữa, VPBank khẳng định kiên trì thực hiện chiến lược ngân hàng bán lẻ, phấn đấu đạt mức tăng trưởng về mọi mặt, năm sau cao hơn năm trước. Một trong những giải pháp quan trọng là phải nâng cao được sức mạnh cạnh tranh của Ngân hàng, đồng thời phấn đấu làm hết sức mình để phục vụ khách hàng tốt hơn, góp phần vào sự nghiệp phát triển kinh tế xã hội của đất nước.

GENERAL OVERVIEW OF THE BANK

Establishment and Development

Vietnam Joint-Stock Commercial Bank for Private Enterprises (shortly named "VPBank") was established under the business license No. 0042/NH-GP issued by the State Bank of Vietnam on August 12, 1993 for an operational term of 99 years. The bank commenced operations on September 4, 1993 upon the grant and issuance of license No. 1535/QD-UB dated September 4, 1993.

Main activities of the Bank

As permitted by the State Bank, VPBank is licensed to engage in the following banking and financial activities:

- Mobilizing short, medium and long - term capital from institutions and individuals.
- Providing short, medium and long - term loans to institutions and individuals.
- Providing foreign exchange dealings.
- International payment services.
- Discounting commercial papers, bonds and other negotiable instruments.
- Providing payment services for customers.
- Providing various kinds of local and international remittance services.
- Other services according to regulations.

VPBank commenced its operations in 1993 with start-up capital of VND20 billion. By the demand of development, capital contributions of the Bank were increased to VND70 billion and then continuously raised to VND174.9 billion in 1996. By the end of 2004, the Bank raised its capital to VND198.4 billion. In the first quarter of 2005, its charter capital increased to VND243.7 billion under the permission by the State Bank of Vietnam.

During the establishment and development period, VPBank always focuses on expanding operational scale and larger branch networks. In 2004, three new branches were opened, including Hanoi Branch (separated from the Head Office), Hue Branch and Saigon Branch. In early 2005, VPBank continued to consolidate its network expansion by opening four new branches in Can Tho, Quang Ninh, Vinh Phuc and Bac Giang provinces.

To date, VPBank network has expanded to a total of 30 transaction points nationwide with its Head Office located in Hanoi, 10 level-I branches in large cities and provinces of Hanoi, Ho Chi Minh, Hai Phong, Hue, Da Nang, Can Tho, Quang Ninh, Vinh Phuc and Bac Giang, 15 level-II branches and 4 sub branches. In the next two years 2005 and 2006, VPBank plans to open about 20 more transaction points in key economic cities and provinces nationwide.

VPBank is currently staffed by about 607 professional people, about 87% of which hold degrees of bachelor and postgraduate. By paying strong attention to a strict recruitment scheme and continuously delivering training courses for enhancing professional skills, VPBank is proud of holding a self-motivated, enthusiastic and qualified staffs. This is one of the most important elements that contribute to the bank's development and the ability to cope with tough competitions on the way towards global integration.

At the 2004 Annual Shareholders Meeting held in early May 2005, VPBank affirmed that it will consistently perform the Retail Banking Strategy and will strive for higher year-to-year growth in every aspect. One of the key solutions is to enhance the Bank's competitiveness and strives at best to better serve clients and also contribute to the economic and social development of the country.



TỔNG QUAN VỀ NGÂN HÀNG

Các sự kiện đáng chú ý

Ngày 08/01/2004: ký Hợp đồng đại lý thanh toán thẻ.

Ký kết Hợp đồng Ngân hàng đại lý thanh toán thẻ MasterCard International (cùng 10 NHTM khác gồm NH Kỹ Thương VN (Techcombank), NH Quân Đội (MB), NH TMCP Nhà Hà Nội (Habubank), NH TMCP Hàng Hải (MSB), NH Nhà HCM (Housing Bank), NH Quốc Tế, NH Bắc Á, NH Tân Việt, NH Việt Á, NH Liên doanh Chohung VINA) dưới sự bảo trợ của Ngân hàng Ngoại Thương Việt Nam (Vietcombank).

Ngày 12/01/2004: Mở Phòng Giao dịch Ngô Quyền tại Thành phố Hải Phòng.

Ngày 12/02/2004: Mở Phòng Giao dịch Thủ Đức tại Thành Phố Hồ Chí Minh.

Trong năm 2004, Phòng Giao dịch này đã được Ngân hàng Nhà nước cho phép nâng cấp thành Chi nhánh cấp II.

Ngày 19/4/2004: Mở Phòng Giao dịch Giảng Võ tại Hà Nội.

Trong năm 2005, Phòng Giao dịch này đã được Ngân hàng Nhà nước cho phép nâng cấp thành Chi nhánh cấp II.

Ngày 20/9/2004: Chính thức khai trương trang WEB VPBank.

Ngày 22/9/2004: Mở Phòng Giao dịch Trần Duy Hưng tại Hà Nội.

Trong năm 2005, Phòng Giao dịch này đã được NHNN cho phép nâng cấp thành Chi nhánh cấp II.

Ngày 12/11/2004: Mở Phòng Giao dịch Chuông Dương tại Hà Nội.

Trong năm 2005, Phòng Giao dịch này đã được NHNN cho phép nâng cấp thành Chi nhánh cấp II.

Ngày 17/11/2004: Mở Phòng Giao dịch Điện Biên Phủ tại Đà Nẵng.



Ngày 25/11/2004: Nâng vốn điều lệ lên 198,4 tỷ đồng.

Ngày 04/01/2005: Mở Chi nhánh cấp I tại Hà Nội.

Ngày 07/01/2005: Mở Chi nhánh cấp I tại Huế.

Ngày 11/01/2005: Mở Chi nhánh cấp I tại Sài Gòn.

Ngày 12/01/2005: Được Union Bank of California công nhận đã đạt chuẩn quốc tế về độ chính xác của điện chuyển tiền trong thanh toán quốc tế.

Ngày 12/01/2005, Chi nhánh California thuộc hệ thống Union Bank thông báo VPBank đã đạt tỉ lệ STP rất cao (Straight - Through Processing ratio), đây là một **chuẩn quốc tế** về độ chính xác của điện chuyển tiền trong thanh toán quốc tế.

VPBank là một trong những Ngân hàng có tỷ lệ STP cao nhất Việt Nam và là một trong số ít ngân hàng trong khu vực đạt tiêu chuẩn này.

Ngày 25/02/2005: Nâng vốn điều lệ lên 243,7 tỷ đồng.

Ngày 23/3/2005: Nhận được giấy phép mở Chi nhánh cấp I tại Cần Thơ.

Ngày 23/3/2005: Nhận được giấy phép mở Chi nhánh cấp I tại Quảng Ninh.

Ngày 12/4/2005: Khai trương phòng Giao dịch Lê Chân - Hải Phòng.

Ngày 16/5/2005: Nhận được giấy phép mở chi nhánh cấp I tại Vinh Phúc.

Ngày 30 tháng 5 năm 2005: Nhận được giấy phép mở 3 chi nhánh cấp II bao gồm chi nhánh Thanh Xuân, chi nhánh Cầu Giấy và chi nhánh Thăng Long tại Hà Nội.

Chi nhánh Thanh Xuân đã khai trương trong tháng 7 năm 2005.

Ngày 06 tháng 7 năm 2005: Nhận được giấy phép mở Chi nhánh cấp I tại Bắc Giang.

GENERAL OVERVIEW OF THE BANK

Remarkable Events

January 8, 2004: Signed the Master-Card License Agreement of Correspondent Bank (with 10 other Commercial Banks: Techcombank, Military Bank, Habubank, MSB, Housing Bank, International Bank, North Asia Commercial Bank, Tan Viet Bank, Viet A Bank, Chohung Vina Joint-Venture Bank- under Vietcombank sponsorship).

January 12, 2004: Opened Ngo Quyen Sub- Branch in Hai Phong.

February 12, 2004: Opened Thu Duc Sub-Branch in Ho Chi Minh city.

In 2004, it was upgraded to a Level-II Branch under the permission of the State Bank of Vietnam.

April 19, 2004: Opened Giang Vo Sub-Branch in Hanoi.

In 2005, it was upgraded to a Level-II Branch under the permission of the State Bank of Vietnam.

September 20, 2004: The Bank website was launched at <http://www.vpb.com.vn>

September 22, 2004: Opened Tran Duy Hung Sub- Branch in Hanoi.

In 2005, it was upgraded to a Level-II Branch under the permission of the State Bank of Vietnam.

November 12, 2004: Opened Chuong Duong Sub- Branch in Hanoi.

In 2005, it was upgraded to a Level-II Branch under the permission of the State Bank of Vietnam.

November 17, 2004: Opened Dien Bien Phu Sub- Branch in Da Nang.

November 25, 2004: VPBank has increased its charter capital to VND 198.4 billion .

January 4, 2005: Opened Hanoi Branch.

January 7, 2005: Opened Hue Branch



January 11, 2005: Opened Saigon Branch

January 12, 2005: VPBank was recognized by Union Bank of California as the international standard bank for the accuracy of Telegraphic Transfer Remittance in International Payment.

January 12, 2005, Union Bank- California Branch informed VPBank of attaining a very high STP (Straight- Through Processing) ratio, which is an **international standard** for the accuracy of telegraphic transfer remittance in International Payment. Accordingly, VPBank has one of the highest STP ratios and is one of few banks in the industry to have achieved this standard.

February 25, 2005: The charter capital of VPBank has been increased by VND243.7 billion

March 23, 2005: Was approved for opening Can Tho Branch

March 23, 2005: Was approved for opening Quang Ninh Branch

April 12, 2005: Opened Le Chan Sub-Branch in Hai Phong

May 16, 2005: Was approved for opening Vinh Phuc Branch

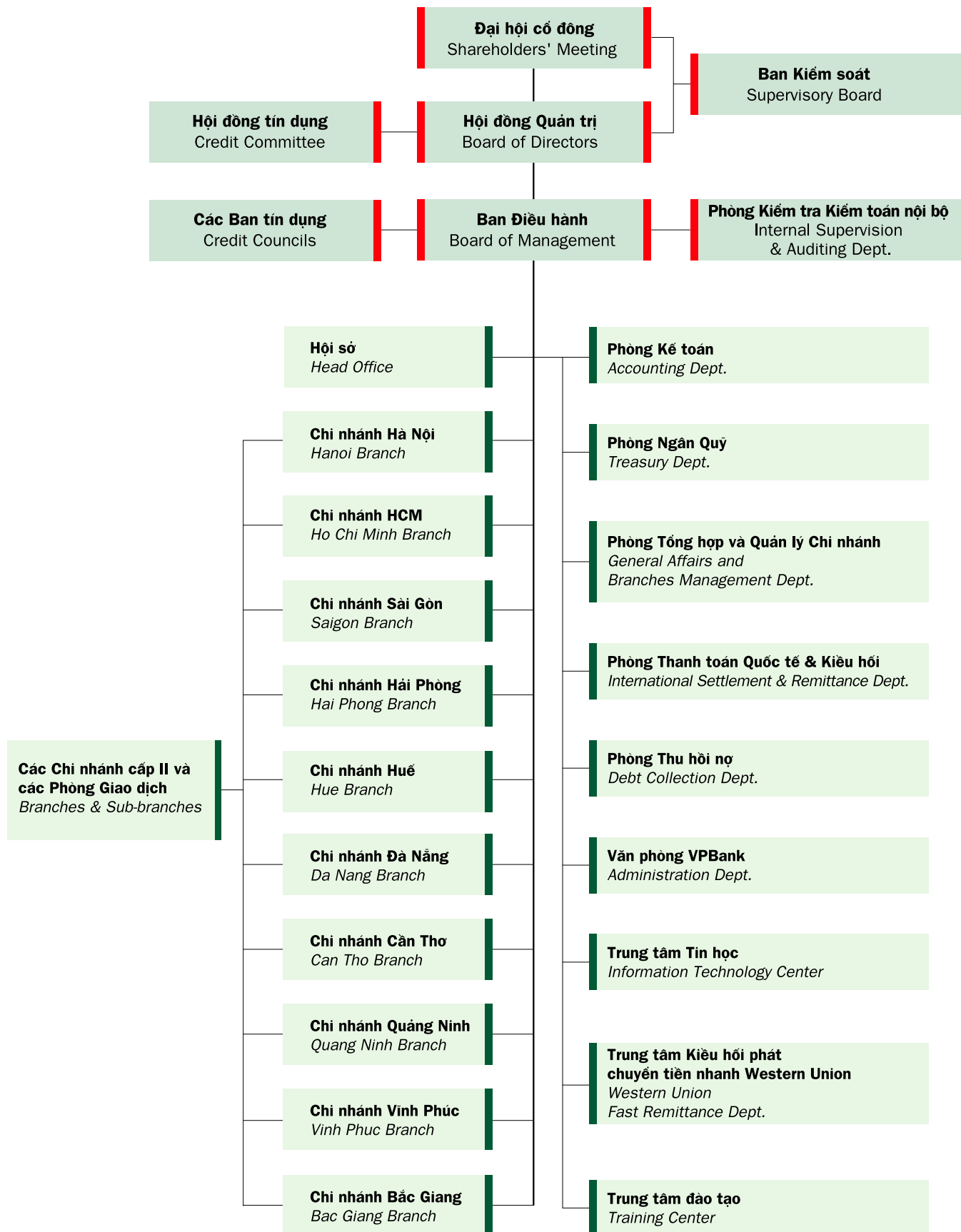
May 30, 2005: Was approved for opening Cau Giay, Thanh Xuan, and Thang Long Branch.

Thanh Xuan Branch was opened in July, 2005.

July 6, 2005: Opened Bac Giang Branch.

SƠ ĐỒ TỔ CHỨC

ORGANISATIONAL CHART



**CƠ CẤU QUẢN TRỊ
ĐIỀU HÀNH
STRUCTURE OF
ADMINISTRATION**

6229 • M
215487 • 60+
2154870 • 60+
3259 • 60+
357951 • 50+
8520 • 40+
=
2740090 • M
2740090 • X
73 • %
2000266 • *
2000266 • ÷
6 • =
333378 • *
261457 • 60+
953210 • 84+
35678 • *

CƠ CẤU QUẢN TRỊ - ĐIỀU HÀNH

STRUCTURE OF ADMINISTRATION

Hội đồng quản trị gồm 5 thành viên trong đó có 3 ủy viên thường trực gồm Chủ tịch, Phó chủ tịch thứ nhất và một ủy viên thường trực kiêm Tổng giám đốc. Ban kiểm soát do Đại hội cổ đông bầu ra gồm 3 thành viên, trong đó có 2 thành viên chuyên trách.

The Board of Directors consists of 5 members, includes 3 standing members: the Chairman, the First Vice Chairman and one standing member acting as the President.

The Supervisory Board, elected by the Shareholders' Meeting, consists of 3 members, two of them were members in charge.

Các thành viên HĐQT, Ban kiểm soát và Ban điều hành trong năm tài chính 2004 và đến thời điểm lập báo cáo thường niên

Members of the Board of Directors, Supervisory Board and the Board of Management in the fiscal year 2004 and up to the time of making the Annual Report

Hội đồng quản trị: Nhiệm kỳ 4 năm, kể từ ĐHCĐ thường niên năm 2001 ngày 02/02/2002.

The Board of Directors: who were elected in the Shareholders' meeting on February 2nd, 2002, with a 4-year term.

Ông / Mr. Lâm Hoàng Lộc	Chủ tịch HĐQT (Thường trực)	Chairman (Standing)
Ông / Mr. Nguyễn Quang A	Phó chủ tịch thứ nhất (Thường trực)	First Vice Chairman (Standing)
Ông / Mr. Dominic Scriven	Phó chủ tịch	Vice Chairman
Ông / Mr. Lê Đắc Sơn	Thành viên (Thường trực)	Member (Standing)
Ông / Mr. Phạm Hà Trung	Thành viên	Member

Ban Kiểm soát: Nhiệm kỳ 4 năm, kể từ ĐHCĐ thường niên năm 2001 ngày 02/02/2002.

The Supervisory Board: who were elected in the Shareholders' meeting on February 2nd, 2002, with a 4-year term.

Ông / Mr. Vũ Hải Bằng	Trưởng ban	Chief of The Supervisory Board
Bà / Ms. Phan Thị Thu Hà	Thành viên chuyên trách tại Hội sở	Specialized Member at the Head Office
Bà / Ms. Nguyễn Thị Liên	Thành viên chuyên trách tại CN Hồ Chí Minh	Specialized Member at Ho Chi Minh Branch

Các uỷ ban trực thuộc HĐQT

Hội đồng tín dụng là tổ chức do HĐQT thành lập (Tại Hội sở do Ông Nguyễn Quang A - Phó Chủ tịch thứ nhất HĐQT làm Chủ tịch; tại CN Hồ Chí Minh do Ông Lâm Hoàng Lộc - Chủ tịch HĐQT làm Chủ tịch). Ngoài ra, HĐQT còn thành lập các Ban Tín dụng tại tất cả các Chi nhánh cấp I. Hội đồng tín dụng và Ban tín dụng đều có nhiệm vụ xem xét phê duyệt các quyết định cấp tín dụng cho khách hàng nhưng với các giới hạn tín dụng khác nhau.

Hội đồng quản lý Tài sản Nợ, tài sản Có do Tổng Giám đốc làm Chủ tịch.

The Committees under the Board of Directors

The Credit Committee is a department established by the Board of Directors (at the Head office, Mr Nguyen Quang A - the Vice Chairman of the Board of Directors - acting as the Chairman; In Ho Chi Minh Branch, Mr Lam Hoang Loc - Chairman of the Board of Directors - acting as the Chairman). On the other hand, the Board of Directors established the Credit Councils at all level I branches. The Credit Committee and the Credit Councils have tasks to consider and approve the credit decisions for customers at the authorised limit.

The Assets - Liabilities Management Committee is currently headed by the General Director as the Chairman.

Ban Tổng Giám đốc / The Board of Management:

Ông / Mr. Lê Đắc Sơn	Tổng Giám đốc	General Director
	Bổ nhiệm ngày 12/6/2002	Appointed on June 12 nd , 2002
Ông / Mr. Trần Văn Hải	Phó Tổng Giám đốc	Deputy General Director
	Bổ nhiệm ngày 13/6/2001	Appointed on June 13 rd , 2001
Ông / Mr. Nguyễn Thanh Bình	Phó Tổng Giám đốc	Deputy General Director
	Bổ nhiệm ngày 21/02/2002	Appointed on February 21 st , 2002

CƠ CẤU QUẢN TRỊ - ĐIỀU HÀNH

STRUCTURE OF ADMINISTRATION

Danh sách các Trưởng phòng
ban Hội sở

Managers of Departments at
the Head Office

Tại Hội sở:

Phòng Kế toán

Ông Vũ Minh Quỳnh - Kế toán trưởng, Trưởng phòng

Phòng Ngân quỹ

Bà Hoàng Mai Thảo - Trưởng phòng

Phòng Thanh toán quốc tế và Kiềm hối

Bà Nguyễn Thị Hải An - Phó phòng, Phụ trách phòng

Phòng thu hồi nợ

Ông Đinh Như Tuyền - Trưởng phòng

Phòng Kiểm tra và Kiểm toán nội bộ

Ông Nguyễn Toàn Thắng - Trưởng phòng

Phòng Tổng hợp & Quản lý Chi nhánh

Bà Trần Thu Hà - Trưởng phòng

Trung tâm Tin học

Bà Dương Thị Thủy - Giám đốc Trung tâm

Trung tâm Đào tạo

Ông Lê Mạnh Dũng - Phụ trách Trung tâm

Trung tâm kiều hối phát chuyển tiền nhanh

Western Union

Bà Nguyễn Bích Thủy - Phó Giám đốc Trung tâm

Văn phòng

Bà Nguyễn Thị Bích Lộc - Phụ trách Văn phòng

At the Head Office:

Accounting Department

Mr. Vu Minh Quynh - Chief Accountant, Manager

Tel: 04 - 9.423249

Treasury Department

Ms. Hoang Mai Thao - Manager

Tel: 04 - 8.222839

International Settlement & Remittance Department

Ms. Nguyen Thi Hai An - Deputy Manager, acting manager

Tel: 04 - 9.424245

Debt Collection Department

Mr. Dinh Nhu Tuyen - Manager

Tel: 04 -9.422634

Internal Supervision & Auditing Department

Mr. Nguyen Toan Thang - Manager

Tel: 04 -8.222838

General Affairs and Branches Management Department

Ms. Tran Thu Ha - Manager

Tel: 04 -9.425041

Information Technology Centre

Ms. Duong Thi Thuy - Centre Director

Tel: 04 -8.224842

Training Centre

Mr. Le Manh Dzung - Centre Manager

Tel: 04 -9.423635

Western Union Fast Remittance Centre

Ms. Nguyen Bích Thủy - Deputy Director

Tel: 04 -9.721942

Administration Department

Ms. Nguyen Thi Bích Loc - Chief Administrator

Tel: 04 - 9.423635



CƠ CẤU QUẢN TRỊ - ĐIỀU HÀNH

STRUCTURE OF ADMINISTRATION



Bà (Ms) Dương Thị Thu Thủy
Giám đốc CN Hà Nội
Ha Noi Branch Director



Ông (Mr) Trần Đức Hạ
Giám đốc CN Tp. Hồ Chí Minh
Ho Chi Minh Branch Director



Ông (Mr) Nguyễn Văn Dũng
Giám đốc CN Hải Phòng
Hai Phong Branch Director



Ông (Mr) Phan Văn Thành
Giám đốc CN Đà Nẵng
Da Nang Branch Director



Ông (Mr) Nguyễn Đình Long
Giám đốc CN Sài Gòn
Sai Gon Branch Director



Ông (Mr) Phạm Văn Phong
Giám đốc CN Huế
Hue Branch Director



Ông (Mr) Nguyễn Lâm
Giám đốc CN Cần Thơ
Can Tho Branch Director



Ông (Mr) Hoàng Văn Thuyết
Giám đốc CN Quảng Ninh
Quang Ninh Branch Director



Ông (Mr) Nguyễn Hữu Toàn
Giám đốc CN Vinh Phúc
Vinh Phuc Branch Director

CƠ CẤU QUẢN TRỊ - ĐIỀU HÀNH

STRUCTURE OF ADMINISTRATION

Danh sách Ban Giám đốc các Chi nhánh

Directors of Branches

Chi nhánh Hà Nội

Giám đốc chi nhánh

Bà Dương Thị Thu Thủy

Phó Giám đốc chi nhánh

Ông Phạm Quyết Thắng

Ông Phạm Hoài Vũ

Chi nhánh Hoàn Kiếm

Bà Ngô Thị Sinh - Giám đốc

Chi nhánh Cát Linh

Bà Phạm Thị Nhuận - Giám đốc

Chi nhánh Giảng Võ

Bà Ngô Minh Thái Vân - Giám đốc

Chi nhánh Trần Hưng Đạo

Ông Phạm Quyết Thắng - Giám đốc

Chi nhánh Hai Bà Trưng

Bà Nguyễn Thị Ngọc Anh - Giám đốc

Chi nhánh Trần Duy Hưng

Ông Đỗ Việt Cường - Giám đốc

Chi nhánh Chương Dương

Ông Đặng Tuấn Nghĩa - Phó Giám đốc

Chi nhánh Thanh Xuân

Ông Phùng Vương - Giám đốc

Chi nhánh Cầu Giấy

Ông Nguyễn Việt Hưng - Giám đốc

Chi nhánh Thăng Long

Chi nhánh Hồ Chí Minh

Giám đốc chi nhánh

Ông Trần Đức Hạ

Phó Giám đốc chi nhánh

Ông Nguyễn Thanh Xuân

Ông Nguyễn Chí Dũng

Trung tâm kiều hối phát chuyển tiền nhanh

Bà Ngô Thị Kim Loan - Giám đốc Trung tâm

Chi nhánh Tân Định

Bà Bùi Ngọc Sang - Giám đốc

Chi nhánh Bà Chiểu

Ông Lê Quang Trường - Giám đốc

Chi nhánh Thủ Đức

Vũ Mạnh Tuyến - Giám đốc

Chi nhánh Tân Phú

Chi nhánh Sài Gòn

Giám đốc chi nhánh

Ông Nguyễn Đình Long

Phó Giám đốc chi nhánh

Ông Phan Ngọc Hòa

Bà Phan Võ Hồng An

Chi nhánh Chợ Lớn

Bà Võ Thị Tươi - Giám đốc

Hanoi Branch

Branch Director

Ms. Duong Thi Thu Thuy

Tel: 04 - 9.421970

Branch Deputy Director

Mr. Pham Quyet Thang

Tel: 04 - 9.421971

Mr. Pham Hoai Vu

Tel: 04 - 9.421971

Hoan Kiem Branch

Ms. Ngo Thi Sinh - Director

Tel: 04 - 9.350582/83

Cat Linh Branch

Ms. Pham Thi Nhuon - Director

Tel: 04 - 7.343961

Giang Vo Branch

Ms. Ngo Minh Thai Van - Director

Tel: 04 - 5.121176/78

Tran Hung Dao Branch

Mr. Pham Quyet Thang - Director

Tel: 04 - 9.426438

Hai Ba Trung Branch

Ms. Nguyen Thi Ngoc Anh - Director

Tel: 04 - 9.721928/41

Tran Duy Hung Branch

Mr. Do Viet Cuong - Director

Tel: 04 - 5.566425/26

Chuong Duong Branch

Mr. Dang Tuan Nghia - Deputy Director

Tel: 04 - 8.724654

Thanh Xuan Branch

Mr. Phung Vuong - Director

Tel: 04 - 5.524968

Cau Giay Branch

Mr. Nguyen Viet Hung - Director

Chuẩn bị khai trương
(to be opened)

Thang Long Branch

Chuẩn bị khai trương
(to be opened)

Ho Chi Minh Branch

Branch Director

Mr. Tran Duc Ha

Tel: 08 - 9.140239

Branch Deputy Director

Mr. Nguyen Thanh Xuan

Tel: 08 - 8.821850

Mr. Nguyen Chi Dung

Western Union Fast Remittance Centre

Ms. Ngo Thi Kim Loan - Director

Tel: 08 - 2.650159

Tan Dinh Branch

Ms. Bui Ngoc Sang - Director

Tel: 08 - 8.200233

Ba Chieu Branch

Mr. Le Quang Truong - Director

Tel: 08 - 8.431547

Thu Duc Branch

Mr. Vu Manh Tuyen - Director

Tel: 08 - 7.222182

Tan Phu Branch

Chuẩn bị khai trương
(to be opened)

Sai Gon Branch

Branch Director

Mr. Nguyen Dinh Long - Director

Tel: 08 - 2.650169

Branch Deputy Director

Mr. Phan Ngoc Hoa

Tel: 08 - 2.650165

Ms. Phan Vo Hong An

Tel: 08 - 2.650166

Cho Lon Branch

Ms. Vo Thi Tươi - Director

Tel: 08 - 9.600750

CƠ CẤU QUẢN TRỊ - ĐIỀU HÀNH

STRUCTURE OF ADMINISTRATION

Danh sách Ban Giám đốc các Chi nhánh

Directors of Branches

Chi nhánh Hải Phòng

Giám đốc chi nhánh

Ông Nguyễn Văn Dũng

Phó Giám đốc chi nhánh

Ông Hoàng Văn Phú

Phòng giao dịch Ngô Quyền

Bà Nguyễn Thị Minh Nguyệt - Trưởng phòng

Phòng giao dịch Lê Chân

Ông Nguyễn Xuân Cường - Trưởng phòng

Chi nhánh Đà Nẵng

Giám đốc chi nhánh

Ông Phan Văn Thành

Phó Giám đốc chi nhánh

Bà Trần Thị Xuân

Phòng giao dịch Lê Duẩn

Ông Nguyễn Tất Đông - Trưởng phòng

Phòng giao dịch Điện Biên Phủ

Ông Nguyễn Đắc Thanh - Trưởng phòng

Chi nhánh Huế

Giám đốc chi nhánh

Ông Phạm Văn Phong

Phó Giám đốc chi nhánh

Ông Nguyễn Ngọc Thành

Chi nhánh Cần Thơ

Giám đốc chi nhánh

Ông Nguyễn Lâm

Phó Giám đốc chi nhánh

Ông Trần Quốc Thiện

Chi nhánh Quảng Ninh

Giám đốc chi nhánh

Ông Hoàng Văn Thuyết

Phó Giám đốc chi nhánh

Ông Nguyễn Đặng Thành

Chi nhánh Vinh Phúc

Giám đốc chi nhánh

Ông Nguyễn Hữu Toàn

Chi nhánh Bắc Giang

Hai Phong Branch

Branch Director

Mr. Nguyen Van Dung

Branch Deputy Director

Mr. Hoang Van Phu

Ngo Quyen Sub - Branch

Ms. Nguyen Thi Minh Nguyet - Manager

Le Chan Sub - Branch

Mr. Nguyen Xuan Cuong - Manager

Da Nang Branch

Branch Director

Mr. Phan Van Thanh

Branch Deputy Director

Ms. Tran Thi Xuan

Le Duan Sub - Branch

Mr. Nguyen Tat Dong - Manager

Dien Bien Phu Sub - Branch

Mr. Nguyen Dac Thanh - Manager

Hue Branch

Branch Director

Mr. Pham Van Phong

Branch Deputy Director

Mr. Nguyen Ngoc Thanh

Can Tho Branch

Branch Director

Mr. Nguyen Lam

Branch Deputy Director

Mr. Tran Quoc Thien

Quang Ninh Branch

Branch Director

Mr. Hoang Van Thuyet

Branch Deputy Director

Mr. Nguyen Dang Thanh

Vinh Phuc Branch

Branch Director

Mr. Nguyen Huu Toan

Bac Giang Branch

Tel: 031 - 8.23890

Tel: 031 - 8.23364

Tel: 031 - 5.52533

Tel: 031 - 9.55904/05

Tel: 0511 - 8.35090

Tel: 0511 - 8.35091

Tel: 0511 - 7.51155

Tel: 0511 - 7.58949/39

Tel: 054 - 8.14848

Tel: 054 - 8.14646

Tel: 071 - 8.15766

Tel: 033 - 6.57668

Chuẩn bị khai trương
(to be opened)

Chuẩn bị khai trương
(to be opened)

**ĐỊNH HƯỚNG
PHÁT TRIỂN
ORIENTATION
OF DEVELOPMENT**

**BÁO CÁO CỦA
BAN ĐIỀU HÀNH
REPORT OF THE
BOARD OF MANAGEMENT**

enter

BÁO CÁO CỦA BAN ĐIỀU HÀNH

Toàn cảnh Kinh tế năm 2004

Trong năm 2004, mặc dù phải đương đầu với những khó khăn và thách thức lớn như giá cả biến động mạnh, thiên tai dịch bệnh nghiêm trọng (SARS, cúm gà...) trên diện rộng, nền kinh tế Việt Nam vẫn phát triển với tốc độ cao. Mức tăng trưởng GDP 7,6% trong năm 2004 - là mức cao nhất trong vòng 7 năm qua, và cũng là mức cao so với bình quân của thế giới.

Trong lĩnh vực tài chính - ngân hàng, Ngân hàng Nhà nước cũng đã và đang tiếp tục hoàn thiện và thực hiện có hiệu quả các đề án cơ cấu lại hoạt động của NHNN và các NHTM theo hướng tăng cường cơ chế giám sát từ xa. Tiếp tục đổi mới và lành mạnh hóa hệ thống các TCTD nhằm ổn định tiền tệ, hỗ trợ phát triển kinh tế, tạo điều kiện thuận lợi cho các TCTD hội nhập kinh tế quốc tế. Trong năm 2004, do chỉ số giá tiêu dùng tăng cao, nguy cơ lạm phát vượt xa chỉ tiêu do Quốc hội đề ra, nên NHNN đã có những biện pháp ổn định tỷ giá và thắt chặt tín dụng, như tăng tỉ lệ dự trữ bắt buộc, giảm lãi suất cơ bản (lãi suất cơ bản không có bất cứ tác dụng trực tiếp nào, nhưng có thể coi như tín hiệu buộc các ngân hàng quốc doanh hạn chế tăng lãi suất huy động). Điều này dẫn đến tình trạng thiếu vốn huy động, lãi suất đầu ra tăng cao. Tuy nhiên trong chừng mực nhất định, các ngân hàng TMCP lại được hưởng lợi từ tình trạng này do chênh lệch đầu ra - đầu vào được cải thiện hơn trước.

Huy động vốn



Huy động vốn là một hoạt động được VPBank đặc biệt quan tâm trong năm 2004. Trong khu vực dân cư, VPBank đã thực hiện liên tiếp 3 đợt huy động vốn có bốc thăm trúng thưởng, được người gửi tiền hưởng ứng nhiệt tình. Đặc biệt trong dịp cuối năm 2004, VPBank còn đưa ra hình thức huy động mới "tiết kiệm VND được bù trượt giá USD". Sản phẩm này đáp ứng được tâm lý của khách hàng e ngại sự mất giá của VND so với USD nhưng lại muốn hưởng lãi suất cao của tiền VND. Nhờ vậy kết quả huy động vốn đạt được khá cao.

Trong khu vực liên ngân hàng, trong năm 2004 VPBank tiếp tục duy trì quan hệ tốt với các Ngân hàng bạn để kinh doanh tiền tệ nên đã thu được nguồn lợi đáng kể trên thị trường này.

Kết quả đến hết năm 2004, tổng nguồn vốn huy động đạt trên 3.872 tỷ đồng, tăng 75% so với thực hiện năm 2003, trong đó riêng tiền tiết kiệm đạt 1.541 tỷ đồng, tăng 49% so với thực hiện năm 2003. Huy động trên thị trường liên ngân hàng được trên 2.000 tỷ đồng, tăng 112% so với thực hiện năm 2003. Nhìn chung các đơn vị đều hoàn thành vượt mức kế hoạch huy động vốn.

Tình hình huy động vốn năm 2004 của VPBank

Đơn vị tính: triệu đồng

Chi tiêu	Năm 2004		Năm 2003	
	Số tiền	Tỷ trọng	Số tiền	Tỷ trọng
Tổng nguồn vốn huy động	3.872.813	100%	2.212.964	100%
Tổng huy động thị trường I	1.824.539	47%	1.242.884	56%
Tiền gửi tiết kiệm	1.541.341	40%	1.032.513	47%
Tiền gửi thanh toán	283.198	7%	210.371	9%
Tổng huy động thị trường II và tiền gửi khác	2.048.274	53%	970.080	44%

REPORT OF THE BOARD OF MANAGEMENT

Economic Overview of 2004

In 2004, faced many difficulties and challenges such as the fluctuation in prices, the explosion on a large extent of diseases like SARS and bird flue, Vietnam still obtained a high growth of 7.6% in its GDP, which is the highest rate in the past 7 years and also ranked high in comparison with the average growth in other countries worldwide.

In the financial sector, the State Bank of Vietnam continued to improve and perform effectively the operational restructure project for the State Bank and the commercial banks following the direction of intensifying remote surveillance, innovating and making healthy the credit institutions in order to stabilize prices, contribute to the economic development and create an opportunity for credit institutions to integrate into the world. In 2004, because of the high increase in consumer price index (CPI) and the possibility of inflation rate exceeding the set standard of National Assembly, the State Bank has implemented great measures to stabilize exchange rates and tighten credit, such as an increase in the compulsory required reserve and decrease in the base interest rate (the base interest rate makes no direct effect but to be considered as a sign for limiting the increase of deposit interest rates for state-owned commercial banks). Those adjustments led to a shortage of mobilized fund and a high increase in lending interest rates. However, most of joint stock commercial banks considered it as a good advantage as the spread between deposit and lending interest rates has been improved than before.

Fund Mobilization

Fund mobilization

VPBank was especially concerned about capital mobilization in 2004. In general public sector, VPBank carried out constantly 3 turns of fund mobilization with the lucky drawing programs, which were advocated enthusiastically by depositors. Especially at the end of 2004, VPBank brought out a new mobilized style named "Saving in VND under depreciation guarantee by USD". This new product absolutely met the customers' expectations of receiving high interest rate in VND without being under pressure of VND's depreciation against USD. As a result, mobilized fund jumped to very huge amount.

In the inter-bank sector, VPBank continuously maintains good relationships with other banks in money market trading, which helped the Bank to obtained a remarkable profit in this side.

By the end of 2004, the Bank's total mobilized fund reached more than VND3,872 billion, 75% up compared to 2003 whereas the saving deposit represented VND1,541 billion, posted a 49% rise in comparison with 2003. Mobilization in the inter-bank market reached over VND2,000 billion, made a 112% rise against 2003. In general, all branches have completed mobilized fund over planned target.

Mobilized Fund in 2004

unit: VND million

Item	Year 2004		Year 2003	
	VND	Rate	VND	Rate
Total mobilized fund	3,872,813	100%	2,212,964	100%
From market I	1,824,539	47%	1,242,884	56%
Saving deposits	1,541,341	40%	1,032,513	47%
Current accounts	283,198	7%	210,371	9%
From market II and other deposits	2,048,274	53%	970,080	44%



BÁO CÁO CỦA BAN ĐIỀU HÀNH

Hoạt động tín dụng

Hoạt động tín dụng vẫn luôn là hoạt động chủ yếu đem lại nguồn thu cho Ngân hàng. Năm 2004 là năm tình hình đầu tư trong nước có phần chững lại, đặc biệt là hoạt động kinh doanh bất động sản lâm vào tình trạng khủng hoảng, nên đã ảnh hưởng rất nhiều đến hoạt động tín dụng của các ngân hàng.

Đối với VPBank, tuy trong điều kiện khó khăn nhưng bằng nhiều giải pháp tổng thể như tăng cường đào tạo nghiệp vụ cho nhân viên, nâng cao chất lượng nghiệp vụ nhằm rút ngắn thời gian phục vụ khách hàng, tăng cường tiếp thị, quảng bá hình ảnh của VPBank nên cũng đạt được mức tăng trưởng tín dụng tương đối khả quan:

- Doanh số cho vay toàn Hệ thống năm 2004 đạt 2.155 tỷ đồng, tăng 23% so với thực hiện năm 2003.
 - Du nợ cho vay đạt 1.865,4 tỷ đồng, tăng 22% so với thực hiện năm 2003.
 - Thu nhập thuần từ tiền lãi đạt 94,8 tỷ đồng, tăng 37% so với năm 2003
- Năm 2004 là năm VPBank đạt được thành công ngoài dự kiến trong công tác thu hồi và xử lý nợ quá hạn. Nợ quá hạn của VPBank đã giảm từ 13,2% vào cuối năm 2003 xuống còn 0,5% vào cuối năm 2004.

Hoạt động kinh doanh khác

Hoạt động kinh doanh ngoại tệ:

Trong năm 2004, tổng doanh số mua ngoại tệ là 265 triệu USD (tăng 138 triệu USD so với năm trước), doanh số bán là 277 triệu USD (tăng 121 triệu USD so với năm trước). Thu nhập từ kinh doanh ngoại tệ đạt 1,16 tỷ đồng.

Hoạt động kinh doanh chứng từ có giá:

Trong năm, VPBank đã mua 683,8 tỷ đồng trái phiếu; Số dư chứng từ có giá đến cuối năm còn 660 tỷ đồng. Thu lãi giấy tờ có giá đạt 62,4 tỷ đồng, tăng gấp 2 lần năm 2003.

Hoạt động đầu tư:

Tổng số tiền góp vốn mua cổ phần tính đến ngày 31/12/2004 là 11.979 triệu đồng. Thu nhập từ tiền cổ tức năm 2004 là 459 triệu đồng.

Hoạt động thanh toán quốc tế:

Các hoạt động TTQT trong năm 2004 đã có xu hướng tăng:

- Doanh số mở LC nhập khẩu đạt gần 27 triệu USD, tăng 3,8 triệu USD so với năm trước.
- Doanh số thông báo LC xuất: toàn Hệ thống thực hiện được 6 triệu USD. Số bộ chứng từ chiết khấu qua VPBank là 119 bộ, trị giá 3,1 triệu USD.
- Chuyển tiền thanh toán quốc tế (TTR) đạt 29 triệu USD, tăng 7 triệu USD.

Tổng số phí dịch vụ thanh toán quốc tế toàn hệ thống thu được là 3,9 tỷ đồng, tăng 500 triệu đồng so với năm trước.

Chuyển tiền trong nước:

Doanh số chuyển tiền toàn hệ thống đạt 3.315 tỷ đồng, phí chuyển tiền trên toàn Hệ thống thu được gần 1 tỷ đồng.

Dịch vụ chi trả kiều hối:

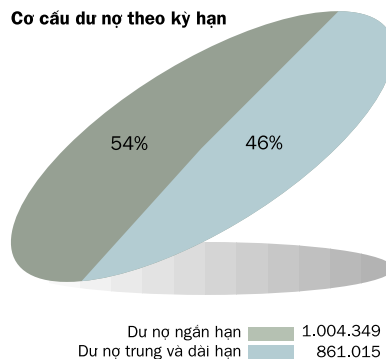
Tính đến cuối năm 2004, tổng số điểm đại lý chi trả W.U. là 210 điểm, tăng 15 điểm so với năm trước. Tổng doanh số chi trả kiều hối các loại đạt 11,6 triệu USD và 6,2 tỷ đồng, trong đó chi trả qua W.U. là 3,87 triệu USD và 6,2 tỷ đồng. Toàn hệ thống thu phí dịch vụ kiều hối được 74,7 ngàn USD, tương đương 1,2 tỷ đồng.

Tình hình hoạt động tín dụng năm 2004

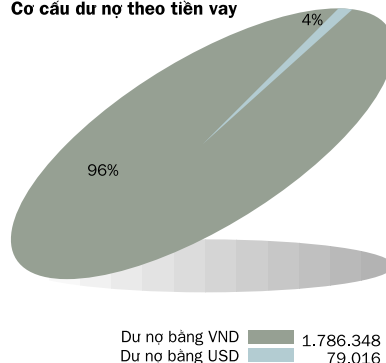
Đơn vị tính: Triệu đồng

Tổng dư nợ các loại 1.865.364

Cơ cấu dư nợ theo kỳ hạn



Cơ cấu dư nợ theo tiền vay



REPORT OF THE BOARD OF MANAGEMENT

Credit Activity

Credit is always a major activity that makes revenue for VPBank. In 2004, as the local investment flow seemed to be standstill, especially real-estate business hit crisis, which strongly affected to banking credit activities.

In the difficulties, by comprehensive measures such as concentrating on training for staff, improving service quality to shorten time for serving, intensifying marketing and advertising, VPBank has obtained fairly satisfactory results:

- The lending volume reached VND2,155 billion, increased 23% compared to year 2003.
- The total outstanding loan amount was VND1,865.4 billion, increased 22% compared to year 2003
- Net income from interest reached VND94.8 billion, increased 37% compared to year 2003.

In 2004, VPBank got a beyond-the-expectation success in collecting and resolving overdue debts. Rate of overdue debts of VPBank reduced from 13.2% at the end of 2003 to 0.5% at the end of 2004.

Other Business Activities

Foreign Currencies Trading Activities

In 2004, the buying-in volume of foreign currencies was USD265 million (USD138 million more in comparison with year 2003) and the selling-out volume was USD277 million (USD121 million more in comparison with year 2003). Income from foreign currencies trading gained VND1.16 billion.

Valuable Papers Trading Activities

In 2004, VPBank bought VND683.8 billion of bonds; by the end of the year, the balance of valuable papers was VND660 billion. Profit collected from valuable papers reached VND62.4 billion, twice more than the year 2003.

Investment Activities

The total amount of buying shares was VND11,979 million by December 31, 2004. The dividend received in the year was VND459 million.

International Settlement Activities

International settlement activities in 2004 trended to increase:

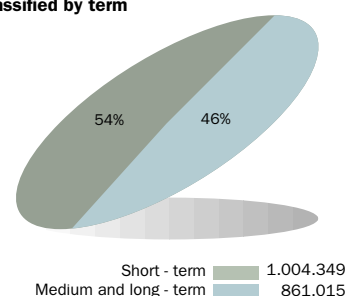
- The turnover of opening imported L/C reached approximately USD27 million, increased by USD3.8 million compared to last year.
- The turnover of advising exported L/C: reached USD6 million in the whole system. The total value of 119 documents discounted through VPBank worth USD3.1 million.
- Telegraphic Transfer Remittance (TTR) reached USD29 million, increased by USD7 million.

Credit Activities in 2004

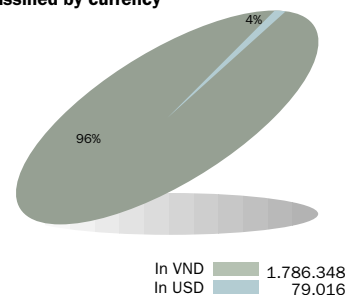
Unit: VND Million

Total outstanding loan 1.865.364

Classified by term



Classified by currency



The total international settlement service fees of the whole system obtained VND3.9 billion, increased by VND500 million compared to last year.

Domestic Money Transfer Activities:

The turnover of money transfer in the whole system reached VND3,315 billion, money transfer service fees reached approximately VND1 billion.

Overseas National Currency Exchange Service

By the end of 2004, the number of Western Union (W.U) agents reached to 210, increased by 15 agents compared to the last year. The overall turnover achieved USD11.6 million and VND6.2 billion, of which through W.U were USD3.87 million and VND6.2 billion. The whole system got USD74.7 thousand service fees, equivalent to VND1.2 billion.

BÁO CÁO CỦA BAN ĐIỀU HÀNH

Quản trị rủi ro

Rút kinh nghiệm từ những sai lầm trong quá khứ đã để lại hậu quả nặng nề mà phải nhiều năm mới khắc phục được, VPBank đã rất quan tâm đến vấn đề quản trị rủi ro.

Bộ máy quản trị rủi ro của VPBank được tổ chức một cách chặt chẽ theo nhiều cấp quản lý, với cơ cấu như sau:

- **Ban Kiểm soát** do Đại hội cổ đông bầu ra gồm 3 thành viên trong đó có hai thành viên chuyên trách.
 - **Phòng Kiểm tra - Kiểm toán nội bộ:** trực thuộc Ban điều hành với nhân sự được phân bổ cho mỗi Chi nhánh cấp I có ít nhất từ 1 - 2 nhân viên, tại Hội sở có ít nhất 7 nhân viên. Bộ phận Kiểm tra - Kiểm toán nội bộ có chức năng kiểm tra, giám sát hoạt động thường ngày và toàn diện trong tất cả các giai đoạn trước, trong và sau trong quá trình thực hiện mỗi nghiệp vụ của ngân hàng. Hoạt động Kiểm tra - Kiểm toán nội bộ các chi nhánh được thực hiện theo sự chỉ đạo trực tiếp theo ngành dọc.
 - **Hội đồng Tin dụng và Ban Tin dụng:** VPBank có hai Hội đồng Tin dụng và mỗi chi nhánh cấp I có một Ban Tin dụng. Hai Hội đồng Tin dụng đặt tại Hà Nội và Thành phố Hồ Chí Minh có nhiệm vụ giải quyết các khoản vay vượt hạn mức giao cho các chi nhánh cấp I đóng tại khu vực phía Bắc (Hà Nội, Hải Phòng, Quảng Ninh, Vĩnh Phúc...) và phía Nam (Đà Nẵng, Huế, Cần Thơ, Thành phố Hồ Chí Minh...). Để hạn chế đến mức thấp nhất rủi ro tín dụng, VPBank đã và đang áp dụng Hệ thống chấm điểm tín dụng do Hội đồng Quản trị ban hành.
 - **Hội đồng ALCO:** để hạn chế rủi ro thị trường và thanh khoản, đã từ lâu VPBank thành lập Hội đồng ALCO. Hội đồng có nhiệm vụ quản lý thanh khoản, quyết định cơ cấu nguồn vốn, sử dụng vốn hợp lý và hiệu quả, quyết định triển khai các sản phẩm mới. Đồng thời, Hội đồng ALCO cũng có nhiệm vụ theo sát diễn biến thị trường về lãi suất, tỷ giá và những khả năng có thể gây rủi ro khác để có giải pháp phù hợp trong việc quản lý và sử dụng nguồn vốn.
 - Ngoài ra, mỗi nhân viên đều có trách nhiệm thường xuyên tự kiểm soát hoạt động của mình để hạn chế thấp nhất rủi ro trong phạm vi nhiệm vụ được phân công.
- Nhờ có cơ chế kiểm soát rủi ro như trên mà nhiều năm qua VPBank đã hạn chế được rủi ro trong mọi hoạt động của mình và đạt được kết quả kinh doanh cao. Riêng trong hoạt động tín dụng, nợ quá hạn của VPBank từ mức cao nay đã giảm xuống còn 0,5% vào cuối năm 2004 và tiếp tục duy trì được tỷ lệ này trong suốt các tháng đầu năm 2005.

Phát triển mạng lưới và nguồn nhân lực

Về tổ chức mạng lưới

Trong năm 2004 VPBank đã được Ngân hàng Nhà nước chấp thuận cho mở thêm 6 Phòng Giao dịch mới (3 Phòng Giao dịch tại Hà Nội, 1 Phòng Giao dịch tại Hải Phòng, 1 Phòng Giao dịch tại Đà Nẵng và 1 Phòng Giao dịch tại Thành phố Hồ Chí Minh). Cuối năm 2004, Ngân hàng Nhà nước cũng đã cấp phép cho VPBank thành lập thêm 3 Chi nhánh cấp I, gồm Chi nhánh Hà Nội, Chi nhánh Huế, Chi nhánh Sài Gòn (cả 3 Chi nhánh này đã khai trương chính thức trong nửa đầu tháng 1/2005). Đầu năm 2005, VPBank tiếp tục được Ngân hàng Nhà nước cho mở thêm 4 Chi nhánh cấp I tại Cần Thơ, Quảng Ninh, Vĩnh Phúc và Bắc Giang. Như vậy tính đến nay VPBank đã có mạng lưới gồm Hội sở, 10 Chi nhánh cấp I, 15 Chi nhánh cấp II và 4 Phòng Giao dịch.

Về nhân sự

Toàn hệ thống đến cuối tháng 5/2005 gồm 607 người (tăng 170 người so với năm 2003), trong đó có 339 nữ và 268 nam; Về trình độ: có 3 người có trình độ trên đại học, 450 người có trình độ đại học (chiếm 87% tổng nhân sự VPBank); Công tác đánh giá nhân sự định kỳ và bình bầu cá nhân xuất sắc được duy trì đều đặn, nhờ vậy đã khuyến khích nhân viên công tác tốt.

Về công tác đào tạo

Trong năm qua đã có 156 lượt người được đào tạo tại các trung tâm đào tạo bên ngoài, đặc biệt là Trung tâm đào tạo Ngân hàng (BTC) và hiệp hội Ngân hàng, Hội doanh nghiệp trẻ Việt Nam, Trường Ngoại Thương... Ngoài ra VPBank đã phối hợp với BTC tổ chức được 3 khóa đào tạo riêng cho CBNV VPBank. Hơn nữa, tại các đơn vị trên toàn Hệ thống, VPBank cũng đã tổ chức các khóa đào tạo lại các kiến thức nghiệp vụ chuyên môn cho nhân viên (đặc biệt là các nhân viên mới) do chính các cán bộ, chuyên viên có kinh nghiệm trong ngân hàng đảm nhiệm giảng dạy.

REPORT OF THE BOARD OF MANAGEMENT

Risk Management

Learning the lessons from the mistakes in the past that brought about serious consequences and caused VPBank several years to overcome, VPBank has strongly concentrated on building a risk management system.

Risk management structure was organized suitably by dividing into managing levels as following:

- **The Supervisory Board** consists of 3 members elected by the Shareholders' meeting, two of them were members in charge.
- **Internal Supervision & Auditing Department** directly under the Board of Management has an allotment of staffs as follow: at least 7 staffs at Head office and from 1 to 2 staffs in each branch of level I. The Internal Supervision & Auditing Department is responsible for daily controlling and supervising in all steps from beginning to end of banking operations process. Internal supervision & auditing activity in each branch conform directly to the lead of higher managing levels.
- **Credit Committee and Credit Council** VPBank has two Credit Committees over the network system and a credit Council in each branch of level I. Two Credit Committees located in Hanoi city and Ho Chi Minh city take on approving the over limit loans that all branches of level I in the north (including Hanoi, Hai Phong, Quang Ninh, Vinh Phuc...) and in the south (including Da Nang, Hue, Can Tho, Ho Chi Minh...) are assigned. To minimize credit risk, VPBank has been applying a grading system, which is promulgated by the Board of Directors.



- **ALCO** was set up by the decision of the Board of Directors to manage market and liquidity risk. The Committee is responsible for managing effectively the bank's liquidity, the capital allocation and usage and making decisions to develop new products. Moreover, ALCO also regularly take on following market movements in interest rates and exchange rates as well as market risk that may arise from fluctuation in order to propose suitable measures in capital usage and management.
 - Besides, each staff has to keep close control himself in his assignments to minimize risks.
- Due to appropriate mechanism to efficiently manage risks as above, VPBank has reduced risks in all its operations and obtained very high business results. In credit activity alone, the non-performing loans (NPLs) decreased from a very high ratio for years to 0.5% in the end of 2004 and this ratio continues to be kept in early 2005.

Network and Human Resources Development

Network Management

In 2004, VPBank was approved by the State Bank to open 6 new sub-branches (3 sub-branches in Hanoi, 1 sub-branch in Hai Phong, 1 sub-branch in Da Nang and one another in Ho Chi Minh City). At the end of 2004, The State Bank also licensed VPBank to set up 3 branches of level I, including Hanoi branch, Hue branch and Saigon branch (These 3 branches were opened officially in the first half of January 2005). In the early year of 2005, the State Bank continued to allow VPBank to open 4 branches of level I in Can Tho, Quang Ninh, Vinh Phuc and Bac Giang provinces and 3 branches of level II including Thang Long branch, Thanh Xuan branch and Cau Giay branch in Hanoi Capital. Thus, VPBank has had a network of Head Office, 10 branches of level I, 15 branches of level II and 4 sub-branches so far.

Human Resources

By the end of May, 2005, the whole system had 607 staffs (up 170 people in comparison with year 2003), including 339 female and 268 male; Qualification: 3 postgraduate, 450 bachelors degree (around 87% VPBank's labor-force); The periodical staff evaluation and excellent individual selection through discussion were carried out regularly, which encouraged staffs to work effectively.

Staff Training

During the year, there were 156 staffs trained at external centers, especially at Banking Training Center (BTC) and Banking Association, Vietnam Young Enterprise Association, the Foreign Trade University, etc. Moreover, VPBank coordinated with BTC to hold 3 particular training courses for its staffs. At each branch, VPBank also held some retraining courses about professional skills for staffs (especially for new staffs), which were taught by experienced experts of VPBank.

BÁO CÁO CỦA BAN ĐIỀU HÀNH

Hoạt động marketing & phát triển sản phẩm

Nghiên cứu phát triển sản phẩm mới

Trong năm 2004 VPBank đã triển khai một số sản phẩm mới. Đó là các sản phẩm tiền gửi dự thưởng với nhiều phần thưởng có giá trị; Tiền gửi "Tiết kiệm VND bù trượt giá USD" đặc biệt hấp dẫn trong dịp cuối năm 2004. Đầu năm 2005, VPBank đưa ra sản phẩm "Huy động Tiết kiệm VND bảo đảm bằng USD", cũng đã thu hút được nhiều người dân đến gửi tiền. Từ tháng 9 năm 2004, VPBank cũng đã khai trương Website riêng của mình, qua đó cung cấp các thông tin cập nhật về tình hình VPBank cũng như thông tin thị trường nói chung, đồng thời còn cung cấp tiện ích tra cứu thông tin tài khoản qua Website.



Đổi mới công nghệ Ngân hàng

Từ giữa năm 2003, VPBank đã ký hợp đồng triển khai chương trình phần mềm mới mang tên B2K Advance, năm 2004 đã cơ bản hoàn thành. Các nghiệp vụ ngân hàng đã được triển khai trên nền công nghệ tin học hiện đại đã giúp nâng cao tiến độ phục vụ khách hàng và góp phần tốt hơn cho công tác quản lý, điều hành của Ban Lãnh đạo, đồng thời phục vụ tốt hơn cho công tác kiểm soát, phòng ngừa rủi ro.

Xây dựng thương hiệu

Trong năm 2004 Tổng Giám đốc đã quyết định thành lập một Tổ có chức năng xây dựng và quản trị thương hiệu trực thuộc phòng Tổng Hợp và quản lý Chi nhánh. Các hoạt động tuyên truyền, quảng cáo vẫn được tiến hành thường xuyên thông qua một công ty có chức năng quan hệ cộng đồng (P/R) chuyên nghiệp. Trong năm, VPBank cũng đã thực hiện việc đăng ký thương hiệu để tránh sự tranh chấp thương hiệu có thể phát sinh trong tương lai. Nhờ việc đẩy mạnh công tác quảng cáo giới thiệu về VPBank nên hình ảnh của VPBank đã thu hút được sự quan tâm của khách hàng. Niềm tin của khách hàng dành cho VPBank cũng được nâng lên. Vấn đề xây dựng và củng cố văn hóa doanh nghiệp cũng là một vấn đề được VPBank đặc biệt quan tâm.

■ Phương châm kinh doanh của VPBank:

Lợi ích khách hàng là trên hết.

Lợi ích của người lao động trong ngân hàng được quan tâm.

Lợi ích của cổ đông được chú trọng.

■ Thái độ làm việc của toàn thể CB-NV trên toàn hệ thống:

Gắng hết sức mình để làm việc.

Đối với bất cứ ai phải tôn kính và lễ phép.

Trang phục gọn gàng, sạch sẽ, thái độ phục vụ tận tình chu đáo.

Làm việc phải trung thực.

Công tác xã hội



Tham gia công tác xã hội

VPBank là một doanh nghiệp ngoài quốc doanh duy trì nghiêm túc các hoạt động đoàn thể (Chi bộ Đảng, Công đoàn, Đoàn thanh niên,...). Các tổ chức này trong năm qua đã duy trì đều đặn nghiêm túc, thực sự phát huy hiệu quả trong vai trò hỗ trợ cho công tác quản trị các mặt hoạt động, đặc biệt là quản trị nhân sự ngân hàng. Trong năm, VPBank đã tham gia nhiều cuộc thi thể thao, văn nghệ do các tổ chức công đoàn, đoàn thanh niên địa phương và chuyên ngành ngân hàng tổ chức và đã đoạt được nhiều giải thưởng có giá trị.

Đối với công tác xã hội, từ thiện, tại Hội sở đã và đang nhận đỡ đầu 5 bà mẹ Việt Nam Anh hùng, tại Chi nhánh Hồ Chí Minh đỡ đầu 5 cụ, Chi nhánh Đà Nẵng đỡ đầu 10 cụ, với mức hỗ trợ từ 100.000 - 150.000VND/tháng. Ngoài ra, năm 2004 VPBank đã ủng hộ 50 triệu đồng cho Quỹ Khuyến học của Đài Truyền hình Trung ương; ủng hộ 30 triệu đồng cho Quỹ người nghèo Tỉnh Thái Bình... Tổng số tiền tài trợ trong năm 2004 lên tới 172 triệu đồng.

REPORT OF THE BOARD OF MANAGEMENT

Marketing Activities and New Product Development

New Product Research and Development

In 2004, VPBank developed some new products. Those were deposit accounts with many interesting rewards, deposit account named "Saving in VND under depreciation guarantee by USD" which were much attractive at the end of 2004. At the beginning of 2005, VPBank also brought out a new product "Saving in VND guaranteed by USD" which caught the customers' attention.

Since September 2004, VPBank has launched website www.vpb.com.vn to provide its latest information, the market information, and the facilities for searching account information through website as well.



Renewal Banking Technology

From the middle of year 2003, VPBank signed the contract of putting into practice the B2K Advance software. In 2004, this software was mainly completed. The application of modern informatic technology in banking operations has improved service quality for customers, contributed to better CEO's management as well as risk supervision and prevention.

Brand Building

In 2004, the President decided to organize a team directly under General Affairs and Branch Management Department with functions of building and managing brand. Propaganda and advertising activities were still paid attention and often carried out by a professional public relation (P/R) company. VPBank also registered its trademark to avoid any dispute, which may occur in the future. By promoting advertising activities, the Bank image has drawn a lot of attentions from potential customers. The confidence of customers in VPBank has been improved.

Over the last several years VPBank also concentrated in building up and consolidating its unique banking culture:

- Guidelines of Activities:
 - Focus on customers' benefit*
 - Concern about employees' interests.*
 - Maximize shareholders' value*
- Employees Working Attitude:
 - Working with the best efforts*
 - Respecting and being courteous to everyone*
 - Neatly and tidily dressed, whole-hearted and thoughtful service attitude*
 - Honest while working*

Social Activities



Social Activities

VPBank is the private enterprise, which seriously conducts all union activities (Party Cell, Labor Union, Communist Youth Union). During the year, these organizations maintained operations regularly and seriously, created many effective supports for managing operations, especially banking staff management. VPBank also took part in many sporting and music events held by Unions, local Communist Youth Union and banking sector and got a lot of valuable prizes.

About social and charitable activities, Head office sponsors 5 Vietnam Heroic Mothers, Ho Chi Minh branch sponsors 5 mothers, Da Nang branch sponsors 10 mothers with allowance from VND100,000 to VND150,000 per month. Moreover, in 2004, VPBank supported VND50 million to "Veteran Fund", VND50 million to "Study Encouragement Fund" of Vietnam Television Station and VND30 million to "Fund for Poor People" of Thai Binh province. The total amount of sponsoring came to VND172 million.

Kết quả kinh doanh

Kết thúc năm tài chính 2004, VPBank đã đạt kết quả lợi nhuận trước thuế và dự phòng là 60 tỷ đồng - tăng 17,2 tỷ đồng so với năm 2003 và vượt 70% kế hoạch.

Results of Operations

At the end of fiscal 2004, VPBank achieved VND 60 billion of profit before tax and risk provision, increased VND 17.2 billion compared to the year 2003, an increase of 70% over the planned target.

Tỷ lệ đảm bảo an toàn

Trong năm 2004, VPBank đã duy trì tốt các tỷ lệ đảm bảo an toàn theo đúng quy định của NHNN. Đến tháng 12/2004, các tỷ lệ an toàn đã đạt được như sau:

Capital Adequacy Ratio

During the year 2004, VPBank kept Adequate Safety Ratios according to the standards set by the State Bank. The Adequate Safety Ratios at the end of December 2004 as below:

TT	Loại tỷ suất	Tiêu chuẩn	Thực hiện	
			năm 2003	năm 2004
1	Tỷ lệ vốn ngắn hạn đã sử dụng cho vay Trung dài hạn	≤ 30%	1,6%	1,5%
2	Tỷ lệ khả năng chi trả (TS có có thể thanh toán ngay/ TS nợ phải thanh toán ngay)	≥ 1	191,6	247,3%
3	Tỷ lệ an toàn vốn tối thiểu (Vốn TC/TS có rủi ro)	≥ 8%	11,2%	8,2%
4	Tỷ lệ tài sản có sinh lời	≥ 75%	89,39%	95%

Serial	Ratios	Standard	Year 2003	Year 2004
1	The ratio of short - term funds used for medium and long -term loans	≤ 30%	1,6%	1.5%
2	The ratio of liquidity (Liquid Assets/ Due liabilities)	≥ 1	191,6	247,3%
3	Capital adequacy ratio (Equity/Risk-adjusted Assets)	≥ 8%	11,2%	8,2%
4	Earning Assets/Total Assets	≥ 75%	89,39%	95%

Các chỉ tiêu kinh doanh

Trong năm 2005, ban điều hành VPBank phấn đấu đạt được một số chỉ tiêu chủ yếu như sau:

- **Nguồn vốn huy động: tăng trưởng 35% so với năm 2004.**
- **Dư nợ tín dụng trong hạn: tăng trưởng 30% so với năm 2004.**
- **Doanh số và thu nhập các dịch vụ: tăng trưởng 50% so với năm 2004.**
- **Lợi nhuận sau dự phòng: 55 tỷ đồng.**

Các chỉ tiêu hoạt động khác

Về phát triển mạng lưới

Trong năm 2005, VPBank sẽ mở thêm một số chi nhánh và phòng giao dịch mới, cụ thể như sau:

- **Sở giao dịch:** Thành lập Sở giao dịch tại trụ sở mới - Số 8 Lê Thái Tổ.
- **Chi nhánh cấp I:** Quảng Ninh, Cần Thơ, Vĩnh Phúc, Bắc Giang.
- **Chi nhánh cấp II:** Nâng cấp các phòng giao dịch đủ điều kiện tại Hà Nội thành chi nhánh cấp II, đồng thời mở thêm 3 chi nhánh cấp II tại Hà Nội và 6 chi nhánh cấp II tại Thành phố Hồ Chí Minh.
- **Phòng giao dịch:** Mở thêm khoảng 4 - 6 phòng giao dịch tại các chi nhánh Hải Phòng, Đà Nẵng, Huế, Cần Thơ, Quảng Ninh.

Về tuyển dụng nhân sự và đào tạo

Với nhu cầu phát triển mạng lưới như trên, trong năm 2005 VPBank cần tuyển dụng thêm 300 nhân viên, trong đó cần thêm 100 cán bộ lãnh đạo cấp phòng trở lên.

Business Targets

In 2005, VPBank's Board of Management strives for the following primary targets:

- **Mobilized fund: increased 35% compared to the year 2004**
- **The outstanding loan: increased 30% compared to the year 2004**
- **Turnover and income of all services: increased 50% compared to the year 2004**
- **Profit after provision: VND 55 billion.**

Other Operational Targets

Network Development

In 2005, VPBank will open some new branches and sub-branches as follow:

- **Operation center:** Establish an operation center at new Head office, No. 8 Le Thai To Street.
- **Branch of level I:** in Quang Ninh, Can Tho, Vinh Phuc, Bac Giang Provinces.
- **Branch of level II:** Upgrade sub-branches in Hanoi and Ho Chi Minh city which have sufficient conditions to branches of level II; open 3 new branches of level II in Hanoi and 6 ones in Ho Chi Minh City.
- **Sub-branch:** Open around 4 to 6 sub-branches in Hai Phong, Da Nang, Hue, Can Tho, Quang Ninh provinces.

Recruitment and Training Courses

Together with the demand of developing network as mentioned above, in 2005, VPBank will recruit 300 staffs, including about 100 senior staffs

ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN NĂM 2005

ORIENTATION OF DEVELOPMENT FOR YEAR 2005

Một số biện pháp thực hiện

Solutions of Implementation

Để đạt được các chỉ tiêu hoạt động trên, VPBank cần thực hiện một số biện pháp sau:

- Chú trọng các biện pháp tăng cường huy động vốn, nhằm tăng tổng tài sản có, góp phần tăng trưởng tín dụng và nâng cao uy tín cho VPBank.
- Tiếp tục duy trì quan hệ tốt trên thị trường liên ngân hàng, khai thác và sử dụng hiệu quả nguồn vốn từ thị trường liên ngân hàng để gia tăng lợi nhuận.
- Tăng cường công tác phát triển và chăm sóc khách hàng. Đẩy mạnh công tác quảng cáo và quảng bá thương hiệu, hình ảnh ngân hàng trên các phương tiện thông tin đại chúng nhằm thu hút nhiều khách hàng hơn nữa về giao dịch tại ngân hàng.
- Củng cố tổ chức, nâng cấp các Phòng Giao dịch trên toàn Hệ thống thành Chi nhánh cấp II để tạo thuận lợi cho các đơn vị hoạt động. Phát triển mạng lưới có chọn lọc tại các địa phương có kinh tế phát triển, đồng thời mở thêm các điểm giao dịch mới tại các địa bàn hoạt động hiện có.
- Tích cực nghiên cứu phát triển các sản phẩm dịch vụ bán lẻ, nhất là các sản phẩm có ứng dụng công nghệ ngân hàng hiện đại như sản phẩm thẻ, thanh toán điện tử, chuẩn bị các điều kiện chuyển sang giao dịch 1 cửa khi điều kiện cho phép.
- Chú trọng công tác đào tạo, đặc biệt là đào tạo nhân viên mới cho các chi nhánh, phòng giao dịch sẽ mở trong năm 2005, nhằm đảm bảo chất lượng hoạt động tại các điểm giao dịch mới
- Nâng cao phúc lợi nhân viên từ 15 - 20% so với năm trước.

In order to achieve these targets, VPBank will implement the following measures:

- Concentrating on intensifying capital mobilization, in order to increase total assets rapidly, contributes to credit growth and improve VPBank's prestige.
- Maintaining good relationship on inter-bank market, exploit and utilize effectively the source of capital from inter-bank market to increase profits.
- Intensifying and developing customer care activities. Promoting advertising campaign of the bank's trademark and image by the media in order to attract more customers.
- Consolidating and upgrading sub-branches of the whole system to branches of level II, creating more favorable conditions to their operations. Developing network selectively in the growth provinces, opening new sub-branches at existing locations as well.
- Researching and developing actively retail banking services, special in products applied advanced banking technology such as bankcards, e-payment; Prepare facilities to change into one - door transactions in favourable conditions.
- Attaching special importance in training, special in training new staff for branches and sub-branches which will be opened in 2005, in order to ensure the transaction quality there.
- Increasing employee welfare from 15% to 20% compared to last year.



BÁO CÁO TÀI CHÍNH
FINANCIAL STATEMENTS

2001-2-26

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Kính gửi: Hội đồng quản trị và Ban Điều hành
Ngân hàng TMCP các doanh nghiệp ngoài quốc doanh Việt Nam

Thư kiểm toán

Chúng tôi, Công ty Kiểm toán và Dịch vụ tin học (AISC) đã kiểm toán Báo cáo tài chính của Ngân hàng TMCP các doanh nghiệp ngoài quốc doanh Việt Nam (sau đây được viết tắt là "Ngân hàng"), bao gồm: Bảng cân đối kế toán, Báo cáo kết quả kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và thuyết minh báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2004 từ trang 34 đến trang 45 kèm theo.

Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính này thuộc trách nhiệm của Ban Điều hành Ngân hàng. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về các báo cáo này căn cứ trên kết quả kiểm toán của chúng tôi.

Cơ sở ý kiến

Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo những Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và các quy định về quản lý tài chính, kế toán đối với Ngân hàng thương mại hiện hành. Các chuẩn mực và quy định này yêu cầu công việc kiểm toán lập kế hoạch và thực hiện kiểm toán để đảm bảo hợp lý rằng Báo cáo tài chính không còn chứa đựng các sai sót trọng yếu. Chúng tôi đã thực hiện việc kiểm tra theo phương pháp chọn mẫu và áp dụng các thủ nghiệm cần thiết, các bằng chứng xác minh những thông tin trong Báo cáo tài chính; đánh giá việc tuân thủ các chuẩn mực và chế độ kế toán hiện hành, các nguyên tắc và phương pháp kế toán được áp dụng, các ước tính và xét đoán quan trọng của Ban Điều hành cũng như cách trình bày tổng quát Báo cáo tài chính. Chúng tôi cho rằng công việc kiểm toán đã đưa ra những cơ sở hợp lý để làm căn cứ cho ý kiến của chúng tôi.

Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Ngân hàng tại ngày 31/12/2004, kết quả kinh doanh cũng như tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với hệ thống kế toán các tổ chức tín dụng Việt Nam và các quy định tài chính, kế toán hiện hành.



Giám đốc AISC
Nguyễn Hữu Trí
Số chứng chỉ KTV: 0476/KTV

Kiểm toán viên
Nguyễn Thị Thanh Huế
Số chứng chỉ KTV: 0756/KTV

FINANCIAL STATEMENTS

To: The Board of Directors and the Board of Management
Vietnam Joint-Stock Commercial Bank for Private Enterprises

Auditing Letter

We - Auditing and Informatic Services Company - have audited the Financial Statement of Vietnam Joint-Stock Commercial Bank For Private Enterprises (hereinafter called "the Bank") which comprise of Balance Sheet as at December 31, 2004; Income Statement, Statement of Cash Flows for the fiscal year then ended and Notes to the Financial Statements as set out from page No. 34 to page No.45.

The Board of Management is responsible for the preparation and presentation of these Financial Statements. It is our responsibility to express our opinions based on auditing results.

Basis of opinions

We conducted our audit in accordance with Vietnamese auditing standards and other prevailing financial and accounting regulations for the commercial banks. These standards and regulations require us to plan and perform the audit procedures so as to obtain a reasonable assurance that the Financial Statements are free from material mistakes. The audit is developed on the basis of our performing the sampling method as well as applying the necessary examinations and tests of evidences supporting the amounts and the disclosures in the financial statements. The audit also includes our accessing the bank's compliance with the prevailing accounting standards and system, the accounting principles and methods applied, the material estimates and judgement of the bank's management as well as our evaluating the overall presentation of the financial statements. We believe that our audit has provided reasonable basis for our opinion.

Opinion of the auditor

In our opinion, the Financial Statements give a true and fair view, in all material respects, of the Bank as of December 31, 2004 and of its results of operations and cash flows for the year then ended in accordance with the Vietnamese Accounting Standards and prevailing regulations applicable to banks and other credit institutions.



Director AISC
Nguyen Huu Tri
Certificate No: 0476/KTV

Auditor
Nguyen Thi Thanh Hue
CPA No: 0756/KTV

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Năm 2004

STT	Phần tài sản		31/12/2003 Triệu VND	31/12/2004 Triệu VND
I	Tiền mặt tại quỹ	1	30.591,50	63.203,91
II	Tiền gửi tại Ngân hàng Nhà nước	2	47.124,62	58.433,05
III	Tiền gửi tại TCTD trong và ở nước ngoài	3	207.811,78	1.384.231,70
IV	Cho vay các tổ chức tín dụng khác		0,00	0,00
	- Cho vay các tổ chức tín dụng khác		0,00	0,00
	- Dự phòng phải thu khó đòi		0,00	0,00
V	Cho vay các tổ chức kinh tế và cá nhân trong nước		1.508.157,96	1.864.339,10
	- Cho vay các tổ chức kinh tế và cá nhân trong nước	4	1.508.954,93	1.864.339,18
	- Dự phòng phải thu khó đòi		(796,97)	(0,08)
VI	Các khoản đầu tư		17.825,39	23.292,29
	Đầu tư vào chứng khoán	5	4.486,39	11.313,29
	- Đầu tư vào chứng khoán		4.486,39	11.313,29
	- Dự phòng giám giá đầu tư chứng khoán		0,00	0,00
	Góp vốn liên doanh mua cổ phần	6	13.339,00	11.979,00
VII	Tài sản		9.714,61	10.075,87
	Tài sản cố định	7	9.593,70	9.941,07
	- Nguyên giá tài sản cố định		15.800,57	16.951,99
	- Hao mòn tài sản cố định		(6.206,87)	(7.010,92)
	Tài sản khác		120,92	134,79
VIII	Tài sản có khác		670.641,19	745.712,33
	Các khoản phải thu	8	653.828,44	724.340,05
	Các khoản lãi cộng dồn dự thu	9	16.812,74	21.372,28
	Tổng cộng tài sản		2.491.867,06	4.149.288,25

BALANCE SHEET

Year 2004

No.	Assets		December 31 st , 2003	December 31 st , 2004
			VND Million	VND Million
I	Cash in hand	1	30,591.50	63,203.91
II	Balances with the State Bank of Vietnam	2	47,124.62	58,433.05
III	Deposits at local and overseas credit institutions	3	207,811.78	1,384,231.70
IV	Loans to other credit institutions		0.00	0.00
	- Loan to other credit institutions		0.00	0.00
	- Provision for bad debts		0.00	0.00
V	Loans to local economic institutions and individuals		1,508,157.96	1,864,339.10
	- Loans to local economic institutions and individuals	4	1,508,954.93	1,864,339.18
	- Provision for bad debts		(796.97)	(0.08)
VI	Investments		17,825.39	23,292.29
	Investments in securities	5	4,486.39	11,313.29
	- Investments in securities		4,486.39	11,313.29
	- Provision for devaluation of securities		0.00	0.00
	Shares of other companies	6	13,339.00	11,979.00
VII	Assets		9,714.61	10,075.87
	Fixed assets	7	9,593.70	9,941.07
	- Fixed asset in historical costs		15,800.57	16,951.99
	- Depreciation of fixed assets		(6,206.87)	(7,010.92)
	Other assets		120.92	134.79
VIII	Other assets		670,641.19	745,712.33
	Accounts receivable	8	653,828.44	724,340.05
	Accrued interests receivable	9	16,812.74	21,372.28
	Total assets		2,491,867.06	4,149,288.25

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Năm 2004

STT	Phần nguồn vốn	31/12/2003		31/12/2004	
		Triệu VND		Triệu VND	
I.	Tiền gửi của Kho bạc Nhà nước và Tổ chức tín dụng khác	950.061,34		2.011.255,92	
1.	Tiền gửi của KBNN		0,00		0,00
2.	Tiền gửi của các Tổ chức tín dụng khác	10	950.061,34		2.011.255,92
II.	Vay NHNN, TCTD khác	0,00		0,00	
1.	Vay NHNN		0,00		0,00
2.	Vay TCTD trong nước		0,00		0,00
3.	Vay TCTD ở nước ngoài		0,00		0,00
4.	Nhận vốn cho vay đồng tài trợ		0,00		0,00
III.	Tiền gửi của các Tổ chức kinh tế và dân cư	11	1.242.883,91		1.824.538,85
IV.	Vốn tài trợ uỷ thác đầu tư		77,19		0,00
V.	Phát hành giấy tờ có giá		0,00		0,00
VI.	Tài sản nợ khác		90.102,17		114.196,43
1.	Các khoản phải trả	12	61.020,34		57.602,92
2.	Các khoản lãi cộng dồn dự trả	13	25.345,42		42.747,02
3.	Tài sản nợ khác	14	3.736,41		13.846,50
VII.	Vốn và các quỹ		208.742,45		199.297,04
1.	Vốn của TCTD		174.900,00		198.409,21
	Vốn điều lệ	15	174.900,00		198.409,21
	Vốn đầu tư XDCB		0,00		0,00
	Vốn khác		0,00		0,00
2.	Quỹ của TCTD	16	33.125,71		191,85
3.	Lãi/lỗ kỳ trước	17	716,74		695,98
4.	Lãi/lỗ kỳ này				
Tổng cộng nguồn vốn			2.491.867,06		4.149.288,25

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

STT	Chi tiêu	31/12/2003		31/12/2004	
		Triệu VND		Triệu VND	
1	Cam kết bảo lãnh cho khách hàng		118.262,81		142.177,98
2	Cam kết giao dịch hối đoái		359.881,00		593.538,23
Cộng			478.143,81		735.716,21

Kế toán trưởng



Vũ Minh Quỳnh

Tổng Giám đốc



Lê Đức Sơn

Hà Nội, ngày 28 tháng 2 năm 2005
Chủ tịch HĐQT



Lâm Hoàng Lộc

BALANCE SHEET

Year 2004

Items	Liabilities and Owner's equity	December 31 st , 2003		December 31 st , 2004	
		VND Million		VND Million	
I.	Deposits from State Treasury and other credit institutions		950,061.34		2,011,255.92
1.	Deposits from State Treasury		0.00		0.00
2.	Deposits from other credit institutions	10	950,061.34		2,011,255.92
II.	Loans from the State Bank of Vietnam and other credit institutions		0.00		0.00
1.	Loans from the State Bank of Vietnam		0.00		0.00
2.	Loans from credit institutions		0.00		0.00
3.	Loans from overseas credit institutions		0.00		0.00
4.	Capital receipts for syndicated loans		0.00		0.00
III.	Deposits from economic institutions and individuals	11	1,242,883.91		1,824,538.85
IV.	Capital trusted for investments		77.19		0.00
V.	Issuance of valuable papers		0.00		0.00
VI.	Other liabilities		90,102.17		114,196.43
1.	Accounts payable	12	61,020.34		57,602.92
2.	Accrued interest payables	13	25,345.42		42,747.02
3.	Other liabilities	14	3,736.41		13,846.50
VII.	Capital and funds		208,742.45		199,297.04
1.	Capital of the bank		174,900.00		198,409.21
	- Legal capital	15	174,900.00		198,409.21
	- Capital investment funds		0.00		0.00
	- Other sources of capital		0.00		0.00
2.	Funds	16	33,125.71		191.85
3.	Profit/Loss of the previous year	17	716.74		695.98
4.	Profit/Loss of the current year				
Total Liabilities and owner's equity			2,491,867.06		4,149,288.25

OFF - BALANCE SHEET ITEMS

Items	Off - Balance sheet items	31 st December, 2003		31 st December, 2004	
		VND Million		VND Million	
1	Customers' guarantee form		118,262.81		142,177.98
2	Commitments on foreign exchange transactions		359,881.00		593,538.23
Total			478,143.81		735,716.21

Chief Accountant



Vu Minh Quynh

General Director



Le Duc Son

Hanoi, February 28th 2005
Chairman



Lam Hoang Loc

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Phần 1 - Lãi / Lỗ

STT	Lãi/Lỗ	Năm 2003	Năm 2004
		Triệu VND	Triệu VND
I	Thu từ lãi	137.947,03	201.944,43
1	Thu lãi cho vay	116.517,66	185.920,33
2	Thu lãi tiền gửi	20.793,00	15.519,10
3	Thu lãi góp vốn, mua cổ phần	633,97	459,08
4	Thu từ nghiệp vụ cho thuê tài chính	0,00	0,00
5	Thu khác về hoạt động tín dụng	2,41	45,91
II	Chi trả lãi	100.291,56	167.053,54
1	Chi trả lãi tiền gửi	88.458,47	150.551,85
2	Chi trả lãi tiền vay	11.833,09	16.501,68
3	Chi trả lãi, phát hành giấy tờ có giá	0,00	0,00
III	Thu nhập từ lãi	37.655,47	34.890,89
IV	Thu ngoài lãi	47.199,73	84.225,77
1	Thu từ nghiệp vụ bảo lãnh	799,18	3.016,64
2	Thu phí dịch vụ thanh toán	6.057,27	5.626,36
3	Thu phí dịch vụ ngân quỹ	124,95	123,56
4	Thu từ tham gia thị trường tiền tệ	33.201,24	62.428,18
5	Lãi từ kinh doanh ngoại hối	0,00	0,00
6	Thu từ nghiệp vụ ủy thác và đại lý	141,17	61,69
7	Thu từ các dịch vụ khác	2.243,82	197,77
8	Các khoản thu nhập bất thường	4.632,09	12.771,58
V	Chi phí ngoài lãi	84.855,20	119.116,66
1	Chi khác về hoạt động huy động vốn	39,56	537,80
2	Chi về dịch vụ thanh toán	1.266,94	1.572,34
3	Chi về tham gia thị trường tiền tệ	0,00	92,86
4	Lỗ từ kinh doanh ngoại hối	6.043,80	6.685,34
5	Chi về hoạt động khác	204,73	431,65
6	Chi nộp thuế	388,62	166,43
7	Chi nộp các khoản phí, lệ phí	28,72	91,09
8	Chi cho nhân viên	14.012,78	21.363,51
9	Chi hoạt động quản lý và công cụ	11.674,09	16.944,16
10	Chi khấu hao cơ bản tài sản cố định	1.508,81	2.302,94
11	Chi khác về tài sản	4.254,88	7.396,69
12	Chi dự phòng	42.828,07	60.012,31
13	Chi nộp phí BH, bảo toàn tiền gửi của khách hàng, chi bồi thường BHTG	1.010,55	1.519,31
14	Chi bất thường khác	1.593,65	0,23
VI	Thu nhập ngoài lãi	(37.655,47)	(34.890,89)
VII	Thu nhập trước thuế	0,00	0,00
VIII	Thuế thu nhập doanh nghiệp	0,00	0,00
IX	Thu nhập sau thuế	0,00	0,00

INCOME STATEMENT

Part 1 - Profit / Loss

No.	Profit/Loss	Year 2003	Year 2004
		VND Million	VND Million
I	Interest income	137,947.03	201,944.43
1	Gains from loan interests	116,517.66	185,920.33
2	Interests of deposits	20,793.00	15,519.10
3	Interests from capital contributions to buy shares	633.97	459.08
4	Interest income from financial leasing	0.00	0.00
5	Other gains from credit activities	2.41	45.91
II	Interest expenses	100,291.56	167,053.54
1	Expenses on interests of deposits	88,458.47	150,551.85
2	Expenses on interests of loans	11,833.09	16,501.68
3	Expenses on issuance of valuable papers	0.00	0.00
III	Net interest income	37,655.47	34,890.89
IV	Non - interest income	47,199.73	84,225.77
1	From guaranteeing services	799.18	3,016.64
2	From payment services	6,057.27	5,626.36
3	From cash services	124.95	123.56
4	From joining monetary market	33,201.24	62,428.18
5	Profit from foreign exchange dealings	0.00	0.00
6	From entrusted and agency services	141.17	61.69
7	Income from other service	2,243.82	197.77
8	Extra-ordinary income	4,632.09	12,771.58
V	Non - interest expenses	84,855.20	119,116.66
1	Other expenses on fund mobilization	39.56	537.80
2	Expenses on payment activities	1,266.94	1,572.34
3	Expenses on joining monetary market	0.00	92.86
4	Loss from foreign exchange dealings	6,043.80	6,685.34
5	Expenses on other activities	204.73	431.65
6	Payments for taxes	388.62	166.43
7	Payment for legal fees	28.72	91.09
8	Expenses for employees	14,012.78	21,363.51
9	Expenses for Administration and tools	11,674.09	16,944.16
10	Depreciation of fixed assets	1,508.81	2,302.94
11	Other expenses related to assets	4,254.88	7,396.69
12	Provisions	42,828.07	60,012.31
13	Insurance, customers' deposit insurance, compensation for claims against deposit insurance	1,010.55	1,519.31
14	Extra-ordinary expenses	1,593.65	0.23
VI	Non - interest profit	(37,655.47)	(34,890.89)
VII	Profit before tax	0.00	0.00
VIII	Business income tax	0.00	0.00
IX	Profit after tax	0.00	0.00

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Phần 2 - Tình hình thực hiện nghĩa vụ
với ngân sách Nhà nước

Năm 2004

Đơn vị tính: triệu VND

STT	Chi tiêu	Số phải nộp tại 01/01/2004	Số phát sinh năm 2004		Số phải nộp tại 31/12/2004
			Số phải nộp	Số đã nộp	
I	Thuế	(610,12)	840,62	1.018,98	(788,49)
1	Thuế giá trị gia tăng	(467,45)	831,12	253,48	110,19
2	Thuế thu nhập doanh nghiệp	(147,79)	0,00	756,00	(903,79)
3	Các loại thuế khác	5,11	9,50	9,50	5,11
II	Các khoản phải nộp khác	0,00	1,74	1,74	0,00
1	Các khoản phụ thu	0,00	0,00	0,00	0,00
2	Các khoản phí, lệ phí	0,00	0,00	0,00	0,00
3	Các khoản khác	0,00	1,74	1,74	0,00
Tổng cộng		(610,12)	842,36	1.020,72	(788,49)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Năm 2004

STT	Chi tiêu	Năm 2004	Năm 2003
		Triệu VND	Triệu VND
I.	Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh		
	Điều chỉnh cho các khoản		
	Khấu hao tài sản cố định	2.303,00	1.509,00
	Dự phòng rủi ro	(797,00)	797,00
	Lãi, lỗ do thanh lý TSCĐ	(409,00)	(1.708,00)
	Lãi, lỗ do đánh giá lại TSCĐ	6.011,00	6.884,00
	Lãi, lỗ từ việc bán chứng khoán	0,00	0,00
	Thu lãi đầu tư chứng khoán	(62.428,00)	(33.201,00)
	Lãi, lỗ do đầu tư vào đơn vị khác (góp vốn, mua cổ phần)	(459)	(634)
	Các điều chỉnh khác	(12.362,00)	(1.331,00)

INCOME STATEMENT

Part 2 - Obligations to the State Budget

Year 2004

Unit: VND million

No.	Items	Payable at Jan 1 st , 2004	Occurred in 2004		Payable at Dec 31 st , 2004
			Payable	Paid	
I	TAX	(610.12)	840.62	1,018.98	(788.49)
1	Value Added Tax	(467.45)	831.12	253.48	110.19
2	Business Income Tax	(147.79)	0.00	756.00	(903.79)
3	Other taxes	5.11	9.50	9.50	5.11
II	Other obligations	0.00	1.74	1.74	0.00
1	Extra collections	0.00	0.00	0.00	0.00
2	Duties, fee	0.00	0.00	0.00	0.00
3	Other obligations	0.00	1.74	1.74	0.00
	Total	(610.12)	842.36	1,020.72	(788.49)

STATEMENT OF CASH FLOWS

Year 2004

No.	Items	Year 2004	Year 2003
		VND Million	VND Million
	Cash flows from operating activities		
	Adjustments		
	Depreciation of fixed assets	2,303.00	1,509.00
	Provisions	(797.00)	797.00
	Profit/Loss from liquidation of fixed assets	(409.00)	(1,708.00)
	Profit/Loss from re-valuing fixed assets	6,011.00	6,884.00
	Profit/Loss from sales in securities	0.00	0.00
	Gains on investments in securities	(62,428.00)	(33,201.00)
	Profit/(loss) from investments in other entities	(459)	(634)
	<i>Other adjustments</i>	12,362.00	(1,331.00)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

STT	Chi tiêu	Năm 2004	Năm 2003
		Triệu VND	Triệu VND
2.	Lợi nhuận kinh doanh trước khi thay đổi về vốn kinh doanh	(68.141,00)	(27.684,00)
	(Tăng)/Giảm tài sản hoạt động		
	(Tăng)/Giảm tiền gửi tại TCTD khác	(948.006,00)	(79.841,00)
	(Tăng)/Giảm tiền chi vay đối với TCTD khác	0,00	71.631,00
	(Tăng)/Giảm tiền chi vay đối với khách hàng	(355.384,00)	(493.417,00)
	(Tăng)/Giảm lãi dự thu	(4.559,00)	(9.989,00)
	(Tăng)/Giảm các tài sản hoạt động khác.	(70.826,00)	(422.665,00)
	Tăng/(giảm) các khoản công nợ hoạt động		
	Tăng/(giảm) tiền gửi của các tổ chức tín dụng khác	1.061.195,00	708.041,00
	Tăng/(giảm) tiền gửi của khách hàng	581.655,00	311.071,00
	Tăng/(giảm) lãi dự chi	17.402,00	12.201,00
	Tăng/(giảm) phát hành giấy tờ có giá	0,00	0,00
	Tăng/(giảm) vay NHNN	0,00	0,00
	Tăng/(giảm) TCTD khác trong nước và nước ngoài	0,00	0,00
	Tăng/(giảm) vốn tài trợ ủy thác đầu tư	(77)	(208)
	Tăng/(giảm) khoản nhận vốn để cho vay đồng tài trợ.	0,00	9.241,00
	Tăng/(giảm) các khoản công nợ hoạt động khác	6.693,00	17.730,00
3.	Tiền thuần từ hoạt động kinh doanh trước thuế TNDN	220.252,00	77.629,00
	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	(756)	(264)
	Chi từ các quỹ của tổ chức tín dụng	(32.955,00)	(24.912,00)
4.	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	186.541,00	52.453,00
II.	Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư		
	Mua tài sản cố định theo nguyên giá	(3.127,00)	(4.175,00)
	Tiền thu do bán, thanh lý tài sản cố định	409,00	23.185,00
	Tiền mua chứng khoán	(1.434.002,00)	(1.457.752,00)
	Tiền thu từ bán chứng khoán	1.427.175,00	1.453.480,00
	Thu lãi đầu tư chứng khoán	62.428,00	33.201,00
	Góp vốn liên doanh, mua cổ phần	(330)	(247)
	Tiền thu từ góp vốn liên doanh, mua cổ phần	1.700,00	500,00
	Thu lãi góp vốn, mua cổ phần	459,00	634,00
	Các hoạt động đầu tư khác	0,00	0,00
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	54.712,00	48.826,00
III.	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		
	Tăng/(Giảm) vốn cổ phần	25.509,00	0,00
	Tiền lãi đã trả cho các nhà đầu tư vào TCTD	(7.408,00)	0,00
	Các hoạt động tài chính khác	(6.011,00)	(5.126,00)
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	12.090,00	(5.126,00)
IV.	Lưu chuyển tiền tệ thuần trong kỳ	253.343,00	96.153,00
	Tiền và các khoản tương đương tiền tại thời điểm đầu kỳ	190.726,00	94.573,00
	Tiền và các khoản tương đương tiền tại thời điểm cuối kỳ	444.069,00	190.726,00

STATEMENT OF CASH FLOWS

No.	Items	Year 2004	Year 2003
		VND Million	VND Million
2.	Operating profit before changes of current assets and liabilities	(68,141.00)	(27,684.00)
	(Increase)/Decrease in current assests		
	(Increase)/Decrease in deposits at other credit institutions	(948,006.00)	(79,841.00)
	(Increase)/Decrease in loans given to other credit institutions	0.00	71,631.00
	(Increase)/Decrease in loans given to customers	(355,384.00)	(493,417.00)
	(Increase)/Decrease in accrued interests receivable	(4,559.00)	(9,989.00)
	(Increase)/Decrease in other current assets	(70,826.00)	(422,665.00)
	Increase/(decrease) of current liabilities		
	Increase/(decrease) in deposits of other credit institutions	1,061,195.00	708,041.00
	Increase/(decrease) in deposits of customers	581,655.00	311,071.00
	Increase/(decrease) in accrued interests payable	17,402.00	12,201.00
	Increase/(decrease) in issuance of valuable papers	0.00	0.00
	Increase/(decrease) in loans from the State Bank	0.00	0.00
	Increase/(decrease) in loans from local and overseas credit institutions	0.00	0.00
	Increase/(decrease) in capital trusted for investment	(77)	(208)
	Increase/(decrease) in capital receipts for syndicated loans	0.00	9,241.00
	Increase/(decrease) in other current liabilities	6,693.00	17,730.00
3.	Net cash flows from operating activities before business income tax	220,252.00	77,629.00
	Payment for business income tax	(756)	(264)
	Disbursements for funds	(32,955.00)	(24,912.00)
4.	Net cash flows from operating activities	186,541.00	52,453.00
II.	Cash flows from investing activities		
	Purchases fixed assets at historical costs	(3,127.00)	(4,175.00)
	Receipts from sale and liquidation of fixed assets	409.00	23,185.00
	Purchases of securities	(1,434,002.00)	(1,457,752.00)
	Receipts from sale of securities	1,427,175.00	1,453,480.00
	Profits from securities investment	62,428.00	33,201.00
	Capital contributions and purchases of shares	(330)	(247)
	Receipts from capital contribution and purchases of shares	1,700.00	500.00
	Profits from capital contribution and buying shares	459.00	634.00
	Other investing activities	0.00	0.00
	Net cash flows from investing activities	54,712.00	48,826.00
III.	Net Cash flows from financing activities		
	Increase/(decrease) in share capital	25,509.00	0.00
	Interests paid to investors	(7,408.00)	0.00
	Other financing activities	(6,011.00)	(5,126.00)
	Net cash flows from financing activities	12,090.00	(5,126.00)
IV.	Net cash flows during the year	253,343.00	96,153.00
	Cash and cash equivalents at the beginning of the year	190.726,00	94.573,00
	Cash and cash equivalents at the end of the year	444.069,00	190.726,00

Danh sách các ngân hàng đại lý Correspondent Banks

AUSTRALIA

ABN AMRO BANK N.V., AUSTRALIAN BRANCH, SYDNEY
CITIBANK N.A.
COMMONWEALTH BANK OF AUSTRALIA SYDNEY

AUSTRIA

BANK AUSTRIA CREDITANSTALT AG

BELARUS

INTERNATIONAL TRADE AND INVESTMENT BANK

BELGIUM

BANQUE BRUXELLES LAMBERT SA, BRUSSELS
FORTIS BANK, BRUSSELS

CHINA

BANK OF TOKYO - MITSUBISHI, LTD., BEIJING
CITIBANK N.A., SHANGHAI
DUETSCHER BANK, SHANGHAI
HUAXIA BANK, BEIJING
RURAL COMMERCIAL BANK OF ZHANGJIAGANG
UFJ BANK LTD., BEIJING
UFJ BANK LTD., DALIAN
UFJ BANK LTD., SHENZHEN
UFJ BANK LTD., TOKYO
UFJ BANK LTD., SHANGHAI
SCB (HONGKONG) LTD
SHENZHEN DEVELOPMENT BANK CO., LTD
BANK OF NOVA SCOTIA

DENMARK

DANSKE BANK A/S

ENGLAND

CHOHUNG BANK LONDON, UNITED KINGDOM
SCB LONDON
UFJ BANK LTD., LONDON

FRANCE

BANK OF TOKYO - MITSUBISHI, LTD., PARIS
NATEXIS BANQUE POPULAIRES
UNION DE BANQUES ARABES ET FRANCAISES

GERMANY

J.P MORGAN AG
DEUTSCHE BANK AG, FRANKFURT
DRESDNER BANK AG, FRANKFURT AM MAIN
KREISSPARKASSE GOEPPINGEN
UFJ BANK LTD., DUESSELDORF
BERLINER BANK, NIEDERLASSUNG DER LANDESBANK, BERLIN
SUEDWEST BANK AG
BADEN - WUERTTEMBERGISCHE BANK AG

HONG KONG

CITIBANK N.A HONGKONG
DEUTSCHE BANK AG, HONGKONG
FORTIS BANK ASIA HONGKONG
HSBC HONGKONG
SCB HONGKONG
HANA BANK, HONGKONG BRANCH
UFJ BANK LTD., HONGKONG
FORTIS BANK, HONGKONG BRANCH
BANK SINOPAC HONGKONG
BANK OF NOVA SCOTIA, HONGKONG

INDIA

ABM AMRO BANK N.N.,
BANK OF TOKYO-MITSUBISHI LTD., NEW DELHI
SCB, MUMBAI
UFJ BANK LTD., NEW DELHI

JAPAN

BANK OF TOKYO - MITSUBISHI, LTD., TOKYO
DAIWA BANK, TOKYO (RESONA BANK, LTD.)
FUKUOKA CITY BANK, LTD, FUKUOKA
UFJ BANK LTD., NAGOYA
UFJ BANK LTD., OSAKA
UFJ BANK LTD., TOKYO
SBC, TOKYO
SUMITOMO MITSUI BANKING CORPORATION
RESONA BANK LTD.

KOREA

KOOKMIN BANK, SEOUL
HANA BANK, SEOUL
INDUSTRIAL BANK OF KOREA
KORAM BANK SEOUL, KOREA
KOREA EXCHANGE BANK, SEOUL
NATIONAL FEDERATION OF FISHERIES COOPERATIVE
UFJ BANK LTD., SEOUL
PUSAN BANK, PUSAN
SCB, SEOUL
SHINHAN BANK, KOREA

KUWAIT

NATIONAL BANK OF KUWAIT

SWITZERLAND

HSBC REPUBLIC BANK (SUISSE) S.A, GENEVA
BIPIELLE BANK (SUISSE)

SWEDEN

SVENSKA HANDELSBANKEN, STOCKHOLM

UNITED STATES

ABN AMRO BANK N.V ., NEWYORK, NY
BANK OF TOKYO - MITSUBISHI LTD, THE PORTLAND, OR
BANKERS TRUST CO., NY, NEWYORK
DEUTSCHE BANK AG, NEWYORK
CITIBANK N.A., NEWYORK
CREDIT LYONNAIS, NEWYORK
JB MORGAN CHASE BANK, NEWYORK
SCB, NEWYORK
TORONTO DOMINION BANK, THE HOUSTON TX
UFJ BANK LTD., NEWYORK
FAR EAST NATIONAL BANK, LOS ANGELES CA
UFJ BANK LTD.,
TEXAS FIRST NATIONAL BANK, NEWYORK
BANK OF AMERICA, N.A
UNION BANK OF CALIFORNIA, N.A.
WACHOVIA BANK, N.A.

VIETNAM

BANK FOR INVESTMENT AND DEVELOPMENT OF VIETNAM
CHOHUNG VINA BANK, HOCHIMINH CITY
VID PUBLIC BANK, HANOI
CITI BANK, VIETNAM
EASTERN ASIA COMMERCIAL BANK
SACOM BANK, HOCHIMINH
FAR EAST NATIONAL BANK, LOS ANGELES CA

UAE

STANDARD CHARTERED BANK, DUBAI

INDONESIA

ABM AMRO BANK N.V., JAKARTA
BANK OF TOKYO - MITSUBISHI, LTD., JAKARTA, INDONESIA
DEUTSCHE BANK AG, JAKARTA
SCB INDONESIA, JAKARTA

IRAN

BANK MELLI IRAN TEHRAN
EXPORT DEVELOPMENT BANK OF IRAN, TEHRAN

ITALY

BANCA POPOLARE FRIULADRIA SPA, PORDENONE
BANK OF TOKYO - MITSUBISHI MILAN, ITALY
BANCA INTESA SPA
BANCA NAZIONALE DEL LAVORO S.P.A

MALAYSIA

ABM AMRO BANK BERHAD, KUALALUMPUR
SCB MALAYSIA BERHAD, KUALALUMPUR

NETHERLANDS

ABM AMRO BANK N.V., AMSTERDAM

PHILIPPINES

ASIAN DEVELOPMENT BANK MANILA,
PHILIPPINES

PORTUGAL

FINIBANCO S.A LISBON, PORTUGAL (PORTO)

RUSSIA

KRAS BANK, MOSCOW
KRAS BANK CB (LTD, PARTNER SHIP)

SAUDI ARABIA

SAUDI AMERICAN BANK, RIYADH

SINGAPORE

ABM AMRO BANK N.V., SINGAPORE BRANCH
BANK OF TOKYO - MITSUBISHI, LTD., SINGAPORE
DEUTSCHE BANK AG, SINGAPORE
HSBC BANK USAL., SINGAPORE BRANCH
HSBC SINGAPORE
NATEXIS BANQUE POPULAIRES HCMC
RABOBANK, SINGAPORE BRANCH
SCB, SINGAPORE
UFJ BANK LTD., SINGAPORE
UNITED OVERSEAS BANK, LTD., SINGAPORE
DBS BANK LTD
BANK OF NOVA SCOTIA, SINGAPORE

SPAIN

ABN - AMRO BANK N.V., MADRID
BANCO DE SABADELL S.A

FINLAND

NORDEA BANK FINLAND PLC, FINLAND

TAIWAN

ABN AMRO BANK N.V., TAIPEI
BANK OF TOKYO - MITSUBISHI TAIPEI, TAIWAN
BANK SINOPAC, TAIPEI
CHINATRUST COMMERCIAL BANK, TAIPEI
UFJ BANK LTD., TAIPEI
BANK AUSTRIA CREDITANSTALT AG VIENNA

THAILAND

ABN AMRO BANK, BANGKOK BRANCH, BANGKOK
BANK OF ASIA PUBLIC COMPANY LTD., BANGKOK
BANK OF TOKYO - MITSUBISHI, LTD., BANGKOK
DEUTSCHE BANK AG BANGKOK, THAILAND
SCB, BANGKOK
UFJ BANK, BANGKOK

TURKEY

TURKIYA VAKIFLAR BANKASI T.A.O, ANKARA

Địa chỉ VPBank trên toàn quốc

VPBank's Network

HEAD OFFICE:

NO. 4 DA TUONG ST., HOAN KIEM DIST, HANOI CITY

TEL: (84.4) 9.423635 - 9.421973 - 9.421971

FAX: (84.4) 9.424182

IN THE NORTH AREA

HANOI BRANCH

No. 4 Da Tuong St., Hoan Kiem Dist., Hanoi
Tel: (84.4) 9.423635 - 9.421973 - 9.421971
Fax: (84.4) 9.424182

Under branches:

Hoan Kiem Branch

24B Tong Dan St., Hoan Kiem Dist., Hanoi
Tel: (84.4) 9.350582/83
Fax: (84.4) 9.350582

Cat Linh Branch

20A Cat Linh St., Dong Da Dist., Hanoi
Tel: (84.4) 7.343961/62
Fax: (84.4) 7.343961

Giang Vo Branch

205 Giang Vo St., Dong Da Dist., Hanoi
Tel: (84.4) 5.121178
Fax: (84.4) 5.121176

Hai Ba Trung Branch

222A Lo Duc St., Hai Ba Trung Dist., Hanoi
Tel: (84.4) 9.721928/41
Fax: (84.4) 9.721942

Tran Hung Dao Branch

109 Tran Hung Dao St., Hoan Kiem Dist., Hanoi
Tel: (84.4) 9.426406
Fax: (84.4) 9.426438

Tran Duy Hung Branch

45 Tran Duy Hung St., Cau Giay Dist., Hanoi
Tel: (84.4) 5.566425/26
Fax: (84.4) 5.566426

Chuong Duong Branch

478 Nguyen Van Cu St., Long Bien Dist., Hanoi
Tel: (84.4) 8.724654
Fax: (84.4) 8.724653

Thanh Xuan Branch

601 Nguyen Trai St., Thanh xuan Dist., Hanoi
Tel: (84.4) 5.524968
Fax: (84.4) 5.524967

Thang Long Branch

M3-M4 Building, Nguyen Chi Thanh St., Hanoi

VINH PHUC BRANCH

146 Ngo Quyen St., Dong Da Ward,
Vinh Yen Town, Vinh Phuc Province

HAI PHONG BRANCH

31-33 Pham Ngu Lao St.,
Ngo Quyen Dist., Hai Phong City
Tel: (84.31) 8.41799/8.41792
Fax: (84.31) 8.41793

Under branches:

Ngo Quyen Sub-Branch

34B Da Nang St., Ngo Quyen Dist.
Hai Phong City
Tel: (84.31) 5.52533/5.52522
Fax: (84.31) 5.52533

Le Chan Sub-Branch

300 To Hieu St., Le Chan Dist.
Hai Phong City
Tel: (84.31) 9.55904
Fax: (84.31) 9.55905

QUANG NINH BRANCH

158 Le Thanh Tong St., Ha Long City
Tel: (84.33) 657668
Fax: (84.33) 657688

BAC GIANG BRANCH

Bac Giang Province

IN THE MIDDLE AREA

DA NANG BRANCH

112 Phan Chu Trinh St., Da Nang City
Tel: (84.511) 8.35090
Fax: (84.511) 8.35065

Under branches:

Le Duan Sub-Branch

195 Le Duan, Da Nang City
Tel: (84.511) 7.51155
Fax: (84.511) 7.51156

Dien Bien Phu Sub-Branch

584 Dien Bien Phu St., Da Nang City
Tel: (84.511) 7.58939/49
Fax: (84.511) 7.58939

HUE BRANCH

64 Hung Vuong, Hue City
Te: (84.54) 8.14646
Fax: (84.54) 8.14949

IN THE SOUTH AREA

HO CHI MINH BRANCH

87 Ham Nghi St., 1 Dist.,
Ho Chi Minh City
Tel: (84.8) 8.210076/77/78
Fax: (84.8) 8.243456

Under branches:

Tan Dinh Branch

281 Hai Ba Trung St., 3 Dist., HCMC
Tel: (84.8) 8.200233
Fax: (84.8) 8.204159

Ba Chieu Branch

59 Le Quang Dinh St.,
Binh Thanh Dist., HCMC
Tel: (84.8) 8.431547
Fax: (84.8) 5.109767

Thu Duc Branch

112 Vo Van Ngan St.,
Thu Duc Dist., HCMC
Tel: (84.8) 7.222182
Fax: (84.8) 7.222351

Tan Phu Branch

611A,B,C Luy Ban Bich St.,
Phu Thanh Ward, Tan Phu Dist., HCMC

SAI GON BRANCH

129 Nguyen Chi Thanh St.,
9 Ward, 5 Dist., HCMC
Tel: (84.8) 2.650128/35
Fax: (84.8) 2.650136

Under branch:

Cho Lon Branch

29 Hau Giang St., 6 Dist., HCMC
Tel: (84.8) 9.600750
Fax: (84.8) 9.607462

CAN THO BRANCH

26-28 Hoa Binh St.,
Ninh Kieu Dist. Can Tho City
Tel: (84.71) 8.15766
Fax: (84.71) 8.15770

www.vpb.com.vn